

Ban chỉ đạo cổ phần hoá Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 5 và Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 5 khuyến cáo các Nhà đầu tư nên đọc kỹ các thông tin trong tài liệu này và Quy chế đấu giá trước khi đăng ký tham dự đấu giá. Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5



Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website : <http://www.hnx.vn>



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Địa chỉ : 77 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, T.p Đà Nẵng
Điện thoại : 0511 3894414 Fax: 0511 3894420



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

Trụ sở chính : Số 2A, Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : 04 3726 2222 Fax: 04 3726 2305
Website : www.shbs.com.vn

THÁNG 2 - 2014

THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

❖ Cổ phần chào bán	:	14.215.300 cổ phần
❖ Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
❖ Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
❖ Giá khởi điểm	:	10.000 đồng/cổ phần
❖ Bước giá	:	100 đồng
❖ Số mức giá	:	02 mức giá
❖ Bước khối lượng	:	100 cổ phần
❖ Số lượng cổ phần tối thiểu nhà đầu tư được phép mua	:	100 cổ phần
❖ Số lượng cổ phần tối đa NĐT trong nước được phép mua	:	14.215.300 cổ phần
❖ Số lượng cổ phần tối đa NĐT nước ngoài được phép mua	:	14.215.300 cổ phần
❖ Thời gian tiến hành đấu giá	:	10 h ngày 24/3/2014
❖ Thời gian nhận hồ sơ tham gia đấu giá, nhận tiền nộp đặt cọc	:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành
❖ Địa điểm tổ chức đấu giá	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, số 02 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
❖ Thời gian nộp tiền mua cổ phần	:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành
❖ Thời gian hoàn tiền đặt cọc	:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ.....	i
PHẦN I.....	1
THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ.....	1
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ	1
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	3
1. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA.....	3
2. CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5.....	3
3. TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB	3
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN II	5
TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ	5
I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ.....	5
1. Thông tin chung:	5
2. Ngành nghề kinh doanh.....	7
3. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu	8
4. Lao động chuyển sang công ty cổ phần	9
5. Danh sách Công ty con và Công ty liên kết.....	10
II. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HOÁ	12
1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2013.....	12
2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	14
III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ.....	16
1. Sản lượng qua các năm	16
2. Nguồn nguyên vật liệu, sự ổn định và ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận	19
3. Chi phí sản xuất.....	20
4. Công nghệ và đổi mới công nghệ	21
5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	21
6. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ	22
7. Hoạt động marketing	22
8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	23
9. Các hợp đồng lớn đã, đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	23

10. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hoá.....	28
11. Vị thế của Tổng công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành.....	32
PHẦN III.....	35
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ	35
I. DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ	35
1. Thông tin chung Doanh nghiệp sau cổ phần hoá.....	35
2. Hình thức pháp lý	35
3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến.....	35
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ công ty cổ phần	36
5. Cơ cấu tổ chức	38
6. Kế hoạch tái cơ cấu tại các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty sau khi cổ phần hoá	39
II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ.....	41
1. Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển chung Doanh nghiệp sau cổ phần hoá.....	41
2. Giải pháp thực hiện.....	44
PHẦN IV.....	47
CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....	47
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ.....	47
Tốc độ tăng trưởng	47
Lạm phát.....	48
Lãi suất	49
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	50
3. RỦI RO ĐẶC THÙ	50
<input type="checkbox"/> Rủi ro về nghiệm thu, thanh quyết toán công trình.....	50
<input type="checkbox"/> Rủi ro về nguyên vật liệu	51
4. RỦI RO CỦA ĐỢT ĐẤU GIÁ	51
5. RỦI RO KHÁC.....	51
PHẦN V	52

THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	52
1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ	52
2. ĐỐI TƯỢNG MUA CỔ PHẦN.....	52
3. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN	53
4. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ THÔNG TIN	53
5. THỜI GIAN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN VÀ HOÀN TRẢ TIỀN ĐẶT CỌC	54
6. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ.....	54
PHẦN VI.....	56
PHỤ LỤC	56

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức Cienco5 trước cổ phần hoá.....	6
Biểu đồ 2: Cơ cấu doanh thu thuần của Cienco5 qua các năm	17
Biểu đồ 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Cienco5 qua các năm.....	18
Biểu đồ 4: Cơ cấu doanh thu qua các năm	19
Biểu đồ 5: Lợi nhuận qua các năm	21
Sơ đồ 6: Sơ đồ tổ chức Cienco5 sau cổ phần hoá	38
Biểu đồ 7: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm	47
Biểu đồ 8: Tốc độ lạm phát qua các năm	48

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Trình độ nguồn nhân lực Cienco5 qua các năm	9
Bảng 2: Danh sách công ty con Cienco5	10
Bảng 3: Danh sách công ty liên kết và công ty có vốn đầu tư dài hạn của Cienco5.....	11
Bảng 4: Giá trị doanh nghiệp của Cienco5 tại thời điểm 30/06/2013	12
Bảng 5: Nhà cửa vật kiến trúc có giá trị lớn của Cienco5 tại thời điểm 30/06/2013.....	15
Bảng 6: Tài sản là máy móc thiết bị của Cienco5 tại thời điểm 30/06/2013	15
Bảng 7: Tài sản là phương tiện vận tải của Cienco5 tại thời điểm 30/06/2013	16

Bảng 8: Giá trị sản lượng của Cienco5 qua các năm.....	16
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần của Cienco5 qua các năm.....	17
Bảng 10: Cơ cấu doanh thu thuần của Cienco5 qua các năm	18
Bảng 11: Chi phí sản xuất qua các năm	20
Bảng 12: Các Hợp đồng, dự án lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết	23
Bảng 13: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh	28
Bảng 14: Cơ cấu cổ đông của công ty theo phương án cổ phần hoá.....	37
Bảng 15: Các công ty dự kiến thoái vốn.....	40
Bảng 16: Kế hoạch đầu tư của công ty	42
Bảng 17: Kế hoạch kinh doanh 3 năm 2014-2016.....	43
Bảng 18: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hoá.....	54

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

- ❖ Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- ❖ Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- ❖ Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- ❖ Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- ❖ Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- ❖ Căn cứ văn bản số 2447/TTg-ĐMDN ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.
- ❖ Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015.
- ❖ Căn cứ Quyết định số 1837/QĐ-BGTVT ngày 06/8/2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5;
- ❖ Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.
- ❖ Căn cứ Quyết định số 3167/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 để thực hiện cổ phần hóa;

- ❖ Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5.
- ❖ Quyết định số 123/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2014 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt giá khởi điểm và nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5;
- ❖ Quyết định số 52/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5.
- ❖ Quyết định số 817/QĐ-BGTVT ngày 02/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc bổ sung thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5.
- ❖ Quyết định số 2119/QĐ-BGTVT ngày 19/07/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5.
- ❖ Quyết định số 1087/QĐ-TCT-TCCB-LĐ ngày 02/08/2013 về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

- ❖ Ông Bạch Ngọc Du :
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5
 - Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5

2. CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

- ❖ Ông Hà Hùng : Tổng Giám đốc-Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5
- ❖ Ông Phan Bá Quảng : Kế toán trưởng-Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết và được chúng tôi cung cấp trên cơ sở đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

- ❖ Ông Nguyễn Thế Minh - Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng do SHBS tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn ký giữa Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 và SHBS. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách cẩn trọng và hợp lý dựa trên các tài liệu và thông tin do Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 cung cấp. Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- ❖ Bán đấu giá cổ phần Là hình thức bán cổ phần của doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá, ở đây cụ thể là cổ phần của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5.
- ❖ Nhà đầu tư Là tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- ❖ Ban chỉ đạo cổ phần hoá Ban chỉ đạo cổ phần hoá Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5
- ❖ Tổng công ty : Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5
- ❖ SHBS : Công ty cổ phần Chứng khoán SHB
- ❖ GTVT : Giao thông vận tải
- ❖ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ❖ HĐQT : Hội đồng quản trị
- ❖ ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ❖ DTT : Doanh thu thuần
- ❖ ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- ❖ GTDN : Giá trị doanh nghiệp
- ❖ MTV : Một thành viên
- ❖ SXKD : Sản xuất kinh doanh
- ❖ TMCP : Thương mại cổ phần
- ❖ TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- ❖ CP : Cổ phần
- ❖ TSCĐ : Tài sản cố định
- ❖ XDCB : Xây dựng cơ bản
- ❖ QSDĐ : Quyền sử dụng đất


PHẦN II

TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

1. Thông tin chung:

1.1. Giới thiệu chung về công ty

- ❖ Tên doanh nghiệp : **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5**
- ❖ Tên tiếng anh : **CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION No.5**
- ❖ Tên viết tắt : **CIENCO5**
- ❖ Trụ sở chính : Số 77, đường Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại : 05113.894414
- ❖ Fax : 05113.894420
- ❖ Website : www.cienco5.vn
- ❖ Logo : 
- ❖ Giấy chứng nhận ĐKKD : số 0400101919 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 7 năm 2013
- ❖ Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa : 494.841.000.000 đồng

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- ❖ Năm 1995, thực hiện chủ trương sắp xếp lại tổ chức trong ngành GTVT Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) được thành lập trên cơ sở sắp xếp lại một số đơn vị xây dựng cơ bản đã được điều động từ Khu Quản lý đường bộ 5 để thành lập Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 theo Quyết định số 4893/TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- ❖ Thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải, kể từ 01/12/2010 Tổng công ty đã chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con và chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 thành Công ty TNHH một thành viên.

- ❖ Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc cổ phần hóa, Tổng công ty đang triển khai cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5.

1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức Cienco5 trước cổ phần hoá



Diễn giải

- : Quản lý trực tiếp
- - - : Quản lý gián tiếp

Cơ cấu tổ chức Tổng công ty là tổ hợp Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên (Công ty con):

- ❖ Văn phòng Công ty Mẹ và 01 chi nhánh (Cienco5 BOT - Chi nhánh Tổng công ty XDCTGT 5).
- ❖ Doanh nghiệp khác: 07 Công ty con do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ (hiện nay cũng đang tiến hành chuyển đổi thành công ty cổ phần cùng với Công ty Mẹ), 01 Công ty con là Công ty cổ phần (Tổng công ty nắm giữ >50% vốn điều lệ), 31 Công ty liên kết (Tổng công ty nắm giữ <50% vốn điều lệ).

➤ **Văn phòng Công ty mẹ bao gồm:**

- ❖ Hội đồng thành viên: 07 người (Chủ tịch và 6 thành viên).
- ❖ Ban Tổng Giám đốc: 06 người (Tổng Giám đốc và 5 Phó Tổng giám đốc).
- ❖ Kế toán trưởng.
- ❖ Phòng, Ban nghiệp vụ tham mưu giúp việc gồm: Văn phòng Tổng hợp, Phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch - Dự án, Phòng Kỹ thuật - Công nghệ, Ban Sắp xếp & Đổi mới doanh nghiệp.
- ❖ Chi nhánh bao gồm: Cienco5 BOT - Chi nhánh Tổng công ty XDCTGT 5.
- ❖ Tổng công ty đang tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, đã tạo dựng được một bộ máy tổ chức tương đối phù hợp, hữu hiệu, tạo sự liên kết kinh tế, gắn bó về lợi ích, thị trường và tập trung phát triển ngành nghề chính. Các doanh nghiệp liên kết xây dựng mối quan hệ vừa là đối tác, vừa là khách hàng tin cậy và hiệu quả.

➤ **Chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:**

- ❖ Cienco5 BOT - Chi nhánh Tổng công ty XDCTGT 5.
- ❖ 01 Chi nhánh Khai thác và sản xuất đất, đá, sản xuất cấu kiện, bê tông nhựa và thi công cơ giới.
- ❖ 01 Chi nhánh chuyên về thi công xây lắp các hạng mục chính, có yêu cầu công nghệ kỹ thuật cao đối với hạng mục chính của các công trình cầu, đường.
- ❖ Văn phòng đại diện Tổng công ty XDCTGT 5 tại TP Hà Nội

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0400101919 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 7 năm 2013, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty là:

- ❖ Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước;
- ❖ Xây dựng công trình dân dụng, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- ❖ Sửa chữa phương tiện, thiết bị, thi công và gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép sản phẩm cơ khí khác;
- ❖ Cung ứng xuất nhập khẩu vật tư, VLXD, thiết bị giao thông vận tải;
- ❖ Tư vấn, đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, điện. Sản xuất kinh doanh điện;
- ❖ Tư vấn xây dựng, đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất;
- ❖ Kinh doanh cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị;
- ❖ Khai thác và chế biến vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sạn, sỏi);

- ❖ Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT; BT) trong nước công trình giao thông, thủy điện, điện, công nghiệp;
- ❖ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu công cụ sản xuất hàng tiêu dùng, các loại sản phẩm phục vụ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp;
- ❖ Tổ chức đào tạo và liên kết dạy nghề hướng nghiệp chuyên ngành giao thông - vận tải phục vụ cho Tổng công ty;
- ❖ Kinh doanh dịch vụ: Khách sạn, lữ hành nội địa và quốc tế, cho thuê văn phòng làm việc, đầu tư xây dựng, kinh doanh dịch vụ du lịch, khu vui chơi giải trí;
- ❖ Xuất nhập khẩu, kinh doanh xăng dầu, gas hoá lỏng, hàng điện máy, điện tử, tin học, viễn thông;
- ❖ Sản xuất và kinh doanh phân hữu cơ sinh học, bao bì tự hủy. Sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất phân hữu cơ sinh học và sản xuất bao bì tự hủy;
- ❖ Vận tải hành khách đường thủy, vận tải hàng hoá bằng xe ô tô;
- ❖ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ giao thông vận tải;
- ❖ Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, đồ gỗ mỹ nghệ;
- ❖ Quảng cáo thương mại;
- ❖ Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ;
- ❖ Mua bán thép phi, thép phế liệu, sản xuất sắt, thép xây dựng;
- ❖ Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

3. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

- ❖ Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty hiện nay tập trung vào lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, các sản phẩm chủ yếu là:
 - Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
 - Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, chung cư cao tầng, hạ tầng khu công nghiệp;
 - Khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
 - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông;
 - Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) công trình giao thông trong nước;
 - Sửa chữa phương tiện, thiết bị, thi công và gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép sản phẩm cơ khí khác;

- ❖ Ngoài ra còn có các sản phẩm phụ:
 - Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; Tổ chức đào tạo và liên kết hướng nghiệp dạy nghề chuyên ngành giao thông – vận tải;
 - Kinh doanh dịch vụ: Khách sạn, lữ hành nội địa và quốc tế, cho thuê văn phòng làm việc, đầu tư xây dựng – kinh doanh dịch vụ du lịch, khu vui chơi giải trí;
 - Kinh doanh gas hoá lỏng;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phương tiện, thiết bị ngành giao thông vận tải;
 - Quảng cáo thương mại;
 - Mua bán thép phôi, thép phế liệu, sản xuất sắt, thép xây dựng;

4. Lao động chuyển sang công ty cổ phần

Công ty mẹ - Tổng công ty có tổng số 119 lao động, trong đó 100% là lao động gián tiếp. Toàn bộ số lao động này sẽ được chuyển sang công ty cổ phần. Tổng công ty đang tập trung xây dựng được đội ngũ kỹ thuật, công nhân có tay nghề giỏi phục vụ cho công tác trực tiếp sản xuất.

- ❖ Chất lượng nguồn nhân lực qua các năm

Bảng 1: Trình độ nguồn nhân lực Cienco5 qua các năm

TT	Trình độ	2011	2012	31/12/2013
1	Trên đại học	2	3	07
2	Đại học, cao đẳng	80	80	88
3	Trung cấp	5	5	03
4	Công nhân kỹ thuật	16	16	15
5	Lao động phổ thông	4	4	06
	Tổng cộng	107	108	119

- ❖ Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:
 - Năm 2010: 5.971.390 đồng/1người/1tháng
 - Năm 2011: 8.515.000 đồng/1người/1tháng
 - Năm 2012: 9.128.000 đồng/1người/1tháng
 - Ước thực hiện năm 2013 : 9.200.000 đồng/1 người/1tháng
- ❖ Chính sách nhân sự

Tổng công ty quan tâm tới công tác phát triển nguồn nhân lực, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực. Tổng công ty đã triển khai chương trình nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Mặt khác, hàng năm Tổng công ty đều tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn cho CBCNV theo nhiều hình thức đào tạo và tiết kiệm. Tổng chi phí dành cho đào tạo 3 năm 2010 - 2012 là 59.739.400 đồng

Tổng công ty tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, tạo dựng văn hóa doanh nghiệp; Thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định và quy hoạch.

5. Danh sách Công ty con và Công ty liên kết

Chủ sở hữu của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 là Bộ Giao thông Vận tải, Tổng công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

5.1. Danh sách công ty con

Bảng 2: Danh sách công ty con Cienco5

(Tại thời điểm 30.06.2013)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu	GTĐT theo sổ sách (tỷ đồng)	Giá trị đánh giá lại (tỷ đồng)	Chênh lệch (tỷ đồng)
1	Công ty CP XD công trình 505	66%	8,125	8,125	
2	Công ty TNHH MTV XDCT 507	100%	8,933	30,737	21,804
3	Công ty TNHH MTV 508	100%	28,684	26,684	
4	Công ty XD&SXVLGT 529	100%	2,757	2,757	
5	Công ty TNHH MTV QL&SC BĐ Đắk Lắk	100%	33,794	32,384	(1,410)
6	Công ty TNHH MTV QL&SC BĐ Gia Lai	100%	10,361	13,103	2,742
7	Công ty TNHH MTV QL&KT Hầm Hải Vân	100%	24,770	29,413	4,643
8	Công ty TNHH MTV QL&SC BĐ Phú Yên	100%	12,228	13,405	1,177
	TỔNG		129,653	158,608	28,955

Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

Hiện nay các Công ty con 100% vốn nhà nước nói trên, đang thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1837/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 08 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5.

5.2. Danh sách công ty liên kết, đầu tư khác

Bảng 3: Danh sách công ty liên kết và công ty có vốn đầu tư dài hạn của Cienco5

(Tại thời điểm 30.06.2013)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu	Theo sổ sách (tỷ đồng)	Giá trị đánh giá lại (tỷ đồng)	Chênh lệch (tỷ đồng)
1	Đầu tư vào công ty liên kết		65,032	69,763	4,731
1	Công ty CP 504	45%	5,400	5,400	
2	Công ty CP DX&ĐT 573	48%	3,984	4,841	0,857
3	Công ty CP 520	48%	2,400	2,400	
4	Công ty CP XDCT 325	36%	1,808	1,942	0,134
5	Công ty CP Xây dựng Cienco5	30%	3,889	4,173	0,284
6	Công ty CP Vật liệu xây dựng 323	34%	1,593	1,593	
7	Công ty CP XDCT 510	48%	6,774	7,541	0,767
8	Công ty CP XDCT 518	22%	1,102	1,102	
9	Công ty CP CTGT 503	37%	7,300	7,300	
10	Công ty CP ĐT & XD GT 502	39%	9,750	9,750	
11	Công ty CP ĐT & XD 501	37%	11,232	13,485	2,253
12	Công ty CP XDCT 585	25%	9,800	10,236	0,436
2	Đầu tư dài hạn khác		52,541	64,997	12,455
1	Công ty CP XDCT 545	9%	10,132	12,103	1,970
2	Công ty CP XDCT 515	12%	3,435	4,957	1,521
3	Công ty CP tư vấn XDGT 533	16%	3,985	4,957	0,971
4	Công ty CP XD&TM 591	14%	0,679	0,873	0,193
5	Công ty CP 519	10%	1,000	1,003	0,003
6	Công ty CP ĐT7XDCT 557	2%	1,000	1,000	
7	Công ty CP XDCT 589	12%	0,650	0,741	0,091
8	Công ty CP PT Địa ốc Cienco5	5%	10,000	10,305	0,305
9	Công ty CP XDCT 512	19%	2,882	3,083	0,200
10	Công ty CP XD 597	10%	1,000	1,002	0,002
11	Công ty CP 546	10%	1,000	1,000	
12	Công ty CP ĐT XD 575	17%	1,000	1,130	0,130
13	Công ty CP Đầu tư 568	10%	1,000	1,007	0,007

14	Công ty CP ĐT & XD 558	10%	1,000	1,017	0,017
15	Công ty CP ĐT&XD 595	15%	0,775	0,775	
16	Công ty CP ĐT & XD 569	10%	1,000	1,000	
17	Công ty Cổ phần 537	10%	0,500	0,506	0,006
18	Công ty CP ĐTXD và TM 592	38%	1,000	1,000	
19	Công ty CP ĐT và XD 577	2,94%	10,500	17,535	7,035

Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

II. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HOÁ

1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2013

Căn cứ Quyết định số 3167/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 để thực hiện cổ phần hóa, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2013 là **1.041.850.918.509 đồng** (Bằng chữ: Một nghìn không trăm bốn mươi một tỷ, tám trăm năm triệu, chín trăm mười tám nghìn, năm trăm lẻ chín đồng). Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là **438.170.381.046 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ, một trăm bảy mươi triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, không trăm bốn mươi sau đồng). Cụ thể như sau:

Bảng 4: Giá trị doanh nghiệp của Cienco5 tại thời điểm 30/06/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số liệu Sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	1.028.843.974.123	1.041.850.918.509	13.006.944.386
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	398.438.781.069	466.831.960.572	68.393.179.503
1. Tài sản cố định	152.303.911.020	171.306.436.401	19.002.525.381
a. TSCĐ hữu hình	133.136.835.541	142.952.410.827	9.815.575.286
b. TSCĐ vô hình	19.167.075.479	28.354.025.574	9.186.950.095
2. Các khoản ĐT tài chính dài hạn	243.978.226.486	293.368.880.607	49.390.654.121
3. Chi phí XDCB dở dang	2.156.643.563	2.156.643.563	
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
5. Chi phí trả trước dài hạn	0	0	0
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	630.405.193.054	574.118.374.386	(56.286.818.668)
6. Tiền	9.249.195.222	9.249.195.222	0
+ Tiền mặt tồn quỹ	4.943.019.341	4.943.019.341	0
+ Tiền gửi ngân hàng	4.306.175.881	4.306.175.881	0
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0

2. Các khoản phải thu	603.584.062.929	546.857.627.457	(56.726.435.472)
3. Vật tư hàng hóa tồn kho	13.943.186.369	13.943.186.369	0
4. TSLĐ khác	3.628.748.534	3.628.748.534	0
5. Chi phí sự nghiệp	0	0	0
6. Công cụ dụng cụ đã phân bổ hết giá trị còn sử dụng		439.616.804	439.616.804
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp (nếu có)		900.583.551	900.583.551
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	0	0	0
B. Tài sản không cần dùng (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)		56.726.435.472	56.726.435.472
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	0	0	0
1. TSCĐ	0	0	0
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
3. Chi phí XDCB dở dang	0	0	0
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	0	56.726.435.472	56.726.435.472
1. Công nợ phải thu của Công ty Xây dựng 506 đang xử lý phá sản	0	56.726.435.472	56.726.435.472
2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý	0	0	0
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	0	0	0
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	1.028.843.974.123	1.098.577.353.981	69.733.379.858
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	1.028.843.974.123	1.041.850.918.509	13.006.944.386
E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	595.383.891.076	603.680.537.463	8.296.646.387
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-(E1+E2))	433.460.083.047	438.170.381.046	4.710.297.999

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

2.1. Đất đai đang sử dụng

Văn phòng Công ty mẹ - Tổng công ty XDCTGT 5 đến thời điểm hiện nay đang quản lý, sử dụng ba (03) thửa đất:

❖ Thửa đất số 1:

- Địa chỉ: số 77 Nguyễn Du, Quận Hải châu, Thành phố Đà Nẵng.
 - Diện tích: 1.082,4m².
 - Giá trị quyền sử dụng đất đã được xác định theo quyết định phê duyệt GTDN của Bộ Giao thông vận tải là: 28.244.025.574 đồng.
 - Hiện trạng sử dụng: Đã xây dựng toà nhà 13 tầng trên diện tích mặt bằng xây dựng 600,9m², tổng diện tích sàn 6.292,2m², trong đó: 4.883m² làm văn phòng làm việc và 1.409m² văn phòng cho thuê.
 - Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Tổng công ty đã nộp đủ 100% tiền sử dụng đất.
 - Hồ sơ pháp lý: Đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BN 189335 ngày 07/5/2013.
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Tổng công ty tiếp tục sử dụng lâu dài để làm văn phòng làm việc. Đã được Bộ GTVT chấp thuận tại văn bản số 10961/BGTVT-TC ngày 15/10/2013 của Bộ.

❖ Thửa đất số 2:

- Địa chỉ: số 26/1 Lý Thường Kiệt, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
 - Diện tích: 543,4m².
 - Hiện trạng sử dụng: Trên thửa đất có 01 ngôi nhà với diện tích sử dụng 93,38m², ngày 10/4/2008 Tổng công ty 5 đã ký hợp đồng thuê nhà với Công ty Quản lý nhà Đà Nẵng và Tổng công ty đang bố trí cho 05 hộ CBCNV của Cơ quan Tổng công ty và 03 hộ CBCNV của Công ty CP 533 làm nhà ở.
 - Hình thức sử dụng: Trả tiền thuê nhà, đất hàng năm.
 - Hồ sơ pháp lý: Quyết định số 24376/QĐ-UB ngày 21/10/2003 của Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng "Về việc cho Tổng công ty XDCTGT 5 thuê đất theo hiện trạng sử dụng tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng". Thời hạn thuê đất: 15 năm (Từ ngày 01/01/2003 đến ngày 31/12/2017).
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Tổng công ty chuyển trả UBND thành phố Đà Nẵng.

Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã thống nhất tại văn bản số 2668/VP-QLĐTh ngày 22/10/2013 giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục trình UBND thành phố hủy bỏ Quyết định số 24376/QĐ-UB ngày 21/10/2003; Giao cho Công ty Quản lý Nhà Đà Nẵng tiếp nhận quản lý, ký hợp đồng cho CBCNV đang sử dụng thuê.

❖ **Thửa đất số 3:**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Bài, tỉnh Thừa Thiên Huế.
 - Diện tích: 23.580 m² (đất thuê của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Phú Bài).
 - Hiện trạng sử dụng: Trên thửa đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất Inox . Tổng công ty tiếp nhận lại từ Công ty 591.
 - Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
 - Hồ sơ pháp lý: Ngày 19/01/2009 Tổng công ty 5 đã ký Phụ lục hợp đồng thuê đất số 72/HĐKT với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp.
- Phương án sử dụng trong thời gian tới: Tổng công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ cơ sở hạ tầng, nhà xưởng và dây chuyền thiết bị sản xuất Inox trên thửa đất này.

2.2. Một số tài sản nhà cửa vật kiến trúc có giá trị lớn

Bảng 5: Nhà cửa vật kiến trúc có giá trị lớn của Cienco5 tại thời điểm 30/06/2013

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên tài sản	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Ghi chú
1	Nhà trụ sở	6.292 m ²	63.739.986.000	36.730.166.933	
2	Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm từ Inox	1.680m ²	7.788.373.091	3.265.651.173	

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

2.3. Một số tài sản máy móc thiết bị, phương tiện vận tải giá trị lớn

Bảng 6: Tài sản là máy móc thiết bị của Cienco5 tại thời điểm 30/06/2013

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Ghi chú
2	Dây chuyền sản xuất Inox	01	18.034.139.128	3.606.827.826	
3	Máy biến áp 630KVA	01	381.521.000	286.140.750	

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

Bảng 7: Tài sản là phương tiện vận tải của Cienco5 tại thời điểm 30/06/2013

TT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Xe Toyota Land Cruiser	VNĐ	01	792.465.957	237.739.787
2	Xe Oto Ford Ranger	VNĐ	01	377.090.800	113.127.240
3	Xe Toyota Land Cruiser	VNĐ	01	765.687.748	267.990.712
4	Xe Mitshubishi Pajero	VNĐ	01	537.150.618	166.516.692
5	Xe Toyota Land Cruiser	VNĐ	01	775.568.190	271.448.867
6	Xe Ford Escape	VNĐ	01	498.229.294	164.415.667
7	Xe 80B-6721	VNĐ	01	2.116.300.000	1.269.780.000

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ

1. Sản lượng qua các năm

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay tập trung vào lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, các sản phẩm chủ yếu là:

- Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, chung cư cao tầng, hạ tầng khu công nghiệp;
- Khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông;
- Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) công trình giao thông trong nước;
- Sửa chữa phương tiện, thiết bị, thi công và gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép sản phẩm cơ khí khác;

Bảng 8: Giá trị sản lượng của Cienco5 qua các năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2010	TH 2011	TH 2012	ƯTH 2013
1	Giá trị sản lượng	tỷ đ	295,000	307,94	559,65	1.168,417
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	267,671	147,502	700,538	714,612
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	20,774	17,894	3,759	5,200
4	Nộp ngân sách NN	tỷ đ	4,080	1,514	2,209	5,000
5	Thu nhập BQ NLD (ng/th)	1.000đ	5.971	8.515	9.128	9.200

Nguồn: BCTC Công ty mẹ - Cienco5 năm 2010,2011,2012

Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm đều hoàn thành kế hoạch và tăng trưởng cao. Đặc biệt trong năm 2012, 2013, sản lượng và doanh thu đều tăng trưởng cao, giá trị sản lượng năm 2012 tăng 1,82 lần so với năm 2011, năm 2013 tăng 2,09 lần so với năm 2012, doanh thu năm 2012 tăng 4,75 lần so với năm 2011.

Giá trị bình quân trong 3 năm từ năm 2010 đến năm 2012 như sau:

- Doanh thu bình quân đạt 371,905 tỷ đồng/năm.
- Lợi nhuận trước thuế bình quân đạt 14,143 tỷ đồng/năm.
- Nộp ngân sách nhà nước bình quân đạt 2,601 tỷ đồng/năm.

Ước thực hiện năm 2013 hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều tăng trưởng so với năm 2012.

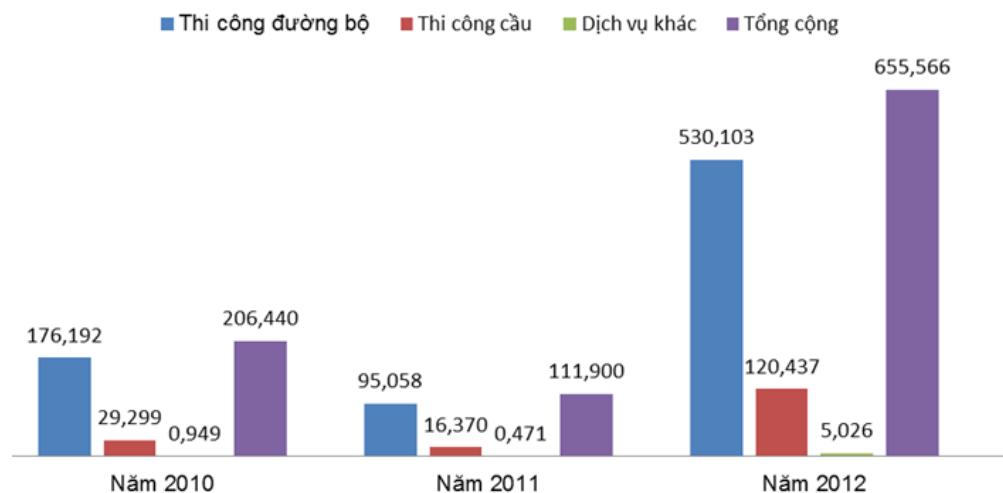
❖ **Cơ cấu doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Cienco5 qua các năm**

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Cienco5 qua các năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

Doanh thu	DT năm 2010	Tỷ trọng	DT năm 2011	Tỷ trọng	DT năm 2012	Tỷ trọng
Thi công cầu	29,299	14,19%	16,370	14,63%	120,437	18,37%
Thi công đường bộ	176,192	85,35%	95,058	84,95%	530,103	80,86%
Dịch vụ khác	0,949	0,46%	0,471	0,42%	5,026	0,77%
Tổng cộng	206,440	100,00%	111,900	100,00%	655,566	100,00%

Biểu đồ 2: Cơ cấu doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Cienco5 qua các năm



Thi công đường bộ và thi công cầu là sản phẩm mang lại doanh thu chủ yếu cho Cienco5. Trong cơ cấu sản phẩm, dịch vụ của công ty, giá trị sản lượng thi công cầu đường bộ chiếm tỷ lệ cao hơn nhiều so với thi công cầu. Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2012, thi công đường bộ chiếm hơn 80% tổng giá trị sản lượng. Tuy nhiên, tỷ trọng thi công đường bộ có dấu hiệu giảm nhẹ qua các năm. Nếu như năm 2010, thi công đường bộ chiếm 85,35% tổng giá trị sản lượng thì đến năm 2011, tỷ lệ này còn 84,95%, năm 2012 còn 80,86%.

Điều này cho thấy, sản phẩm chủ lực của Cienco5 giai đoạn trước đây là thi công đường bộ. Nhưng công ty cũng đang hướng tới phát triển mảng thi công cầu, để có thể đảm nhận trọn gói những dự án công trình giao thông lớn.

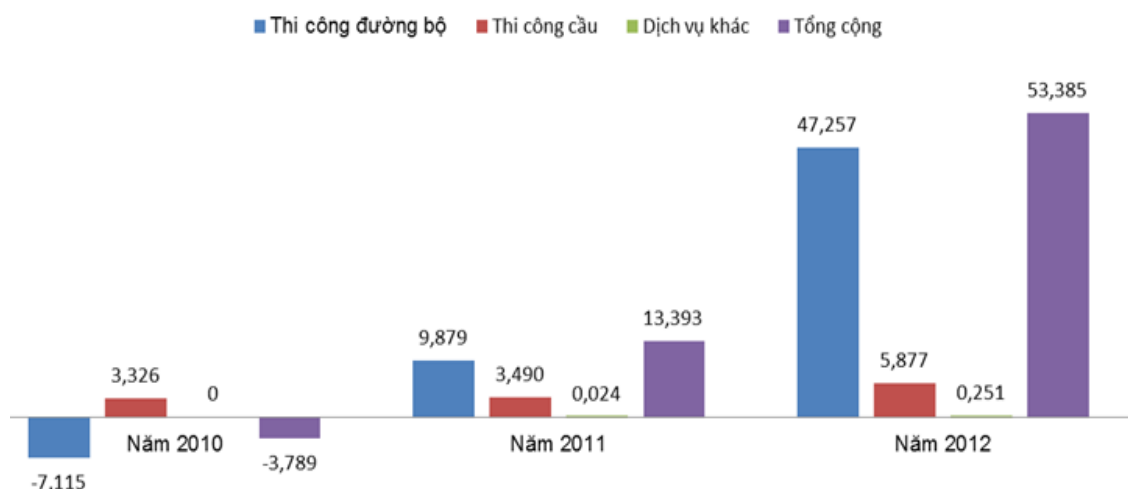
❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp của Cienco5 qua các năm**

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Cienco5 qua các năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

Lợi nhuận gộp	LN gộp năm 2010	LN gộp năm 2011	Tỷ trọng	LN gộp năm 2012	Tỷ trọng
Thi công đường bộ	-7,115	9,879	73,89%	47,257	88,52%
Thi công cầu	3,326	3,490	25,93%	5,877	11,00%
Dịch vụ khác	0	0,024	0,18%	0,251	0,48%
Tổng cộng	-3,789	13,393	100,00%	53,385	100,00%

Biểu đồ 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Cienco5 qua các năm

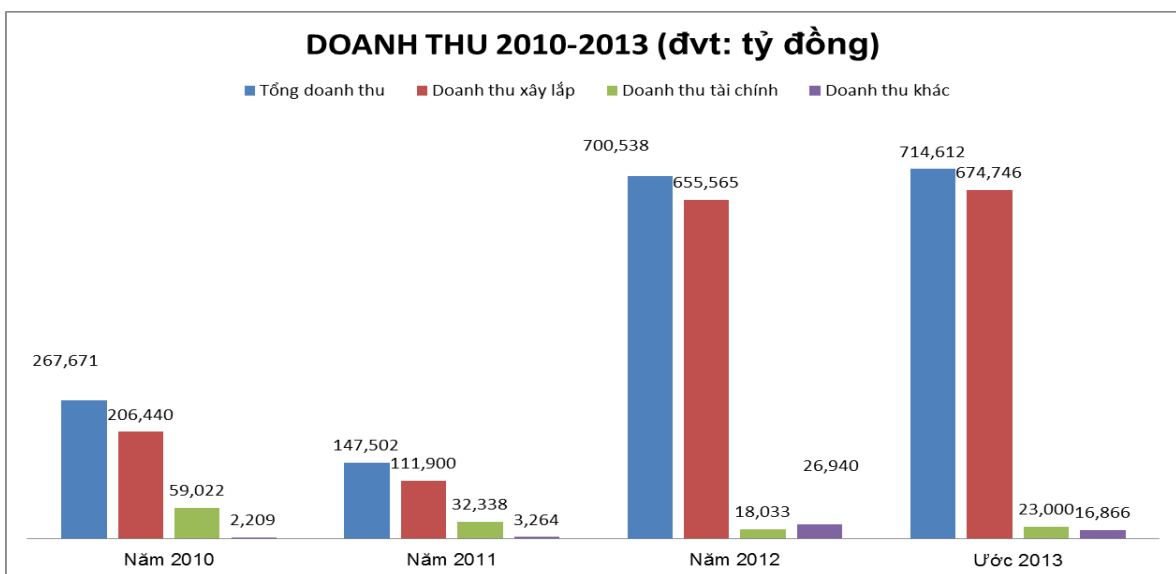


Do sản phẩm chủ yếu của Cienco5 là thi công đường bộ, nên lợi nhuận gộp do sản phẩm này mang lại cũng chiếm tỷ trọng lớn. Trong năm 2010, doanh thu của cienco5 thấp, thi

công đường bộ cũng không mang lại lợi nhuận cho Công ty (làm lỗ hơn 7 tỷ đồng), nhưng trong những năm tiếp theo, từ 2011 đến 2013, lợi nhuận do thi công đường bộ mang lại đã chiếm khoảng 80% tổng lợi nhuận gộp. Bắt đầu từ năm 2012, thi công đường bộ đã mang lại hiệu quả cao hơn so với thi công cầu, thực tế cho thấy, trong năm 2012, giá trị sản lượng thi công đường bộ chỉ chiếm 80% nhưng mang lại 88% lợi nhuận hoặc 6 tháng đầu năm 2013, sản lượng thi công đường bộ chỉ chiếm 62%, nhưng mang lại 75% lợi nhuận gộp cho Công ty.

❖ **Cơ cấu doanh thu phân loại theo doanh thu xây lắp, doanh thu tài chính và doanh thu khác**

Biểu đồ 4: Cơ cấu doanh thu qua các năm



Về cơ cấu doanh thu, trong giai đoạn 2010-2011, doanh thu tài chính chiếm hơn 20% tổng doanh thu, nhưng sang giai đoạn 2012 – 2013, tỷ trọng doanh thu tài chính trong tổng doanh thu đã giảm xuống (năm 2012 là 3%, năm 2013 là 3%), thay vào đó là sự tăng trưởng mạnh của doanh thu xây lắp. Doanh thu tài chính giảm do Tổng công ty thực hiện giảm đầu tư tại các công ty con theo đúng chủ trương của Đề án tái cơ cấu Tổng công ty do Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt, tập trung vốn và nguồn lực cho hoạt động của công ty mẹ, nhờ đó mà doanh thu xây lắp trong 2 năm 2012, 2013 đã có sự tăng trưởng vượt trội. Điều này cũng phản ánh, quá trình chuyển hướng chiến lược của Công ty trong hoạt động kinh doanh, đó là việc chú trọng mảng kinh doanh chính có thế mạnh của công ty là xây dựng công trình giao thông thay vì dàn trải trên nhiều mảng kinh doanh như trước đây.

2. Nguồn nguyên vật liệu, sự ổn định và ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận

Nguồn cung cấp vật liệu đầu vào của Tổng công ty nhìn chung có sự ổn định tương đối; Thị trường vật liệu xây dựng và các yếu tố đầu vào khác phục vụ cho hoạt động thi công, xây lắp của công ty trong thời gian qua như xi măng, sắt thép xây dựng, điện, dầu máy... chủ yếu là sử dụng của các nhà sản xuất và cung cấp có uy tín trong nước, mặc dù các nguyên

vật liệu có những biến động theo chiều hướng tăng về giá cả, nhưng vẫn đa dạng về nguồn hàng, chủng loại hàng và số lượng các nhà cung cấp;

Đối với nguyên vật liệu là đá xây dựng thì Cienco5 đã chủ động đầu tư khai thác mỏ đá làm vật liệu xây dựng tại mỏ đá Hòa Đông, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam với hình thức đầu tư mới do Tổng Công ty trực tiếp đầu tư, quản lý, xây dựng và vận hành công trình. Đây là nguồn cung cấp nguyên liệu cung cấp cho các công trình của Tổng công ty với trữ lượng khai thác ổn định hàng năm và tạo công ăn việc làm cũng như mang lại nguồn doanh thu cho đơn vị trong những năm tới.

Giá cả của các loại vật liệu đầu vào của ngành xây dựng có xu thế tăng trên toàn thế giới do giá dầu và chi phí khác biến động. Bên cạnh đó, do nền kinh tế phát triển, tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu xây dựng nhà cửa và cơ sở hạ tầng ngày càng lớn cũng có những tác động nhất định đến thị trường các yếu tố đầu vào của hoạt động thi công xây lắp.

Do nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu chi phí (ước tính khoảng 75% so với tổng chi phí) nên những biến động về giá cả nguyên vật liệu đều có ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.

Giá cả vật liệu xây dựng tăng làm tăng chi phí đầu vào nhưng giá bán đầu ra đã được ấn định trước hoặc không thể tăng tương ứng, do vậy đã làm tăng chi phí của hoạt động thi công xây lắp, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

3. Chi phí sản xuất

Bảng 11: Chi phí sản xuất qua các năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

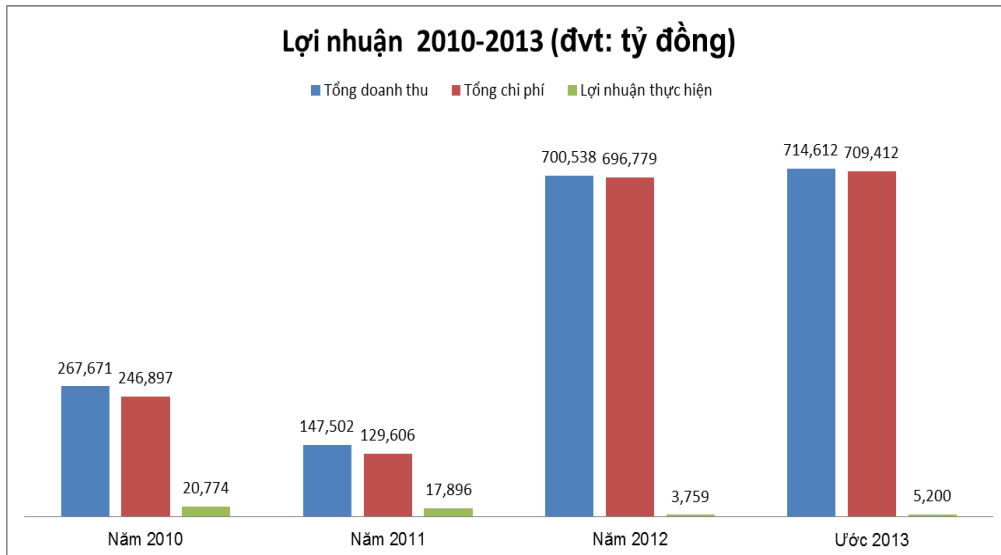
STT	CHỈ TIÊU	N2010	N2011	N2012	ƯỚC N2013
1	Giá vốn hàng bán	210,229	98,506	602,180	615,300
	Tỷ trọng giá vốn/DT thuần	101,84%	88,03%	91,86%	91,19%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35,707	29,720	35,553	28,564
	Tỷ trọng chi phí QLDN/DT thuần	17,30%	26,56%	5,42%	4,23%
3	Chi phí tài chính	0,961	0,206	59,066	29,742
	Tỷ trọng chi phí tài chính/DT thuần	0,47%	0,18%	9,01%	4,41%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ - Cienco5 năm 2010,2011,2012

Tỷ trọng chi phí giá vốn trên doanh thu thuần của Công ty có xu hướng tăng trong giai đoạn 2010-2013, chi phí giá vốn bình quân 4 năm chiếm tỷ lệ khoảng 93,23% doanh thu thuần, nên có ảnh hưởng tới lợi nhuận của công ty. Việc tăng chi phí giá vốn do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân giá cả vật liệu xây dựng tăng làm tăng chi phí đầu vào nhưng giá bán đầu ra đã được ấn định trước hoặc không thể tăng tương ứng.

Cũng trong giai đoạn 2010-2013, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần có xu hướng giảm và giảm nhiều đây có thể coi là một điểm đáng ghi nhận của doanh nghiệp về nỗ lực nâng cao hiệu quả quản trị, tiết giảm chi phí.

Biểu đồ 5: Lợi nhuận qua các năm



Trong giai đoạn từ 2010 – 2013, hoạt động chủ yếu của công ty là xây lắp và đầu tư vốn dài hạn vào các công ty cổ phần từ việc cổ phần hoá các đơn vị thành viên, mặc dù trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, công ty vẫn có lãi, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu bình quân đạt 2,47%, đạt mức cao nhất là 7,76% vào năm 2010. Công ty đang thực hiện chiến lược tái cơ cấu doanh nghiệp theo đề án đã được Bộ GTVT phê duyệt, trong đó có việc thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp, tập trung vốn cho hoạt động trực tiếp sản xuất kinh doanh của công ty mẹ, tăng cường tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Công nghệ và đổi mới công nghệ

Từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty luôn tập trung nguồn lực để đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị, đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng của công trình. Tuy nhiên, năng lực sản xuất vẫn còn những hạn chế nhất định. Vì vậy trong thời gian tới công ty đang có kế hoạch nâng cấp, bổ sung thiết bị tự động hoá, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thi công xây lắp, tăng cường đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm.

5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Tổng công ty hoạt động trong ngành xây lắp là một ngành có tính cạnh tranh rất cao, đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm, tiến độ công trình, giá cả thi công, vì vậy buộc các công ty phải không ngừng nghiên cứu các biện pháp thi công mới, các công nghệ kỹ thuật mới vào thực hiện thi công công trình để đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Do đó, Tổng công ty luôn xác định các bộ phận, phòng ban, các đơn vị thành viên phải không ngừng nghiên cứu, đưa ra các giải pháp cải tiến kỹ thuật thi công công trình, nâng cao năng lực quản trị kinh doanh của Tổng công ty để giảm chi phí, tăng năng suất hoạt động, tăng hiệu quả thi công.

Tổng công ty liên tục cập nhật, tiếp cận, làm chủ những công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng giao thông, xây dựng hạ tầng để tăng năng suất và hiệu quả hoạt động.

6. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Tổng công ty quy định chặt chẽ về kiểm tra chất lượng dịch vụ cung ứng ra thị trường, kiểm tra các trang thiết bị sản xuất, dụng cụ đo lường và kiểm tra an toàn thi công. Toàn bộ cán bộ công nhân viên của Tổng công ty đều nắm vững các nguyên tắc về quản lý chất lượng và các nguyên tắc về quy trình sản xuất, quản lý và theo dõi hợp đồng kinh tế Tổng công ty ký với khách hàng và thầu phụ theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001-2000.

Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình: Tổng công ty lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm từng cá nhân, từng bộ phận đối với việc quản lý chất lượng công trình xây dựng. Bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật. Lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm cho người và thiết bị thi công. Thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn, yêu cầu của thiết kế và yêu cầu của hợp đồng xây dựng. Lập nhật ký thi công, lập bản vẽ hoàn công theo quy định; thực hiện tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

7. Hoạt động marketing

Cạnh tranh trong các dự án xây lắp ngày càng gay gắt, các nhà thầu trong nước ngày càng lớn mạnh và khẳng định tên tuổi qua từng dự án, vì vậy Tổng công ty đặc biệt chú trọng thực hiện các hoạt động Marketing, để duy trì và phát triển hệ thống khách hàng và bạn hàng đang có, cũng như tìm kiếm các khách hàng mới, tiềm năng. Tổng công ty sử dụng kết hợp các phương pháp trong việc chào hàng, giới thiệu dịch vụ trực tiếp đến các khách hàng có nhu cầu và khách hàng tiềm năng, tham dự thầu... Tổng công ty cũng có các sản phẩm giới thiệu khác như: folder, brochure, catalogue, bao thư, website...; Quảng cáo trên các phương tiện truyền thông (báo, tạp chí, trang vàng, website của các tổ chức liên kết, hiệp hội).

Nhờ đó, trong những năm qua, Tổng công ty đã mở rộng quan hệ tìm kiếm dự án, lập dự án, tham gia đấu thầu và thắng thầu xây dựng nhiều công trình. Các công trình giao thông, cơ sở hạ tầng và đầu tư kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty thực hiện được triển khai ở hầu khắp các địa bàn trên cả nước, đưa giá trị sản lượng thực hiện ngày càng cao.

Bên cạnh lĩnh vực xây lắp công trình giao thông, hoạt động đầu tư và kinh doanh các dự án địa ốc của Tổng công ty cũng đạt được một số kết quả nhất định, góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu của Tổng công ty trên thương trường. Quá trình đầu tư Tổng công ty được các địa phương nơi thực hiện dự án tín nhiệm cao nên công tác triển khai dự án rất thuận lợi, khách hàng tin tưởng đầu tư vốn. Bên cạnh đó hoạt động kinh doanh đối với các dự án địa ốc cũng được tăng cường công tác tiếp thị, hợp tác với các nhà đầu tư thứ cấp, thành lập sàn giao dịch bất động

sản, vì vậy các dự án của Tổng công ty đã được đánh giá cao trên thị trường kinh doanh bất động sản.

8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Tổng công ty đã được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 173312, theo Quyết định số 38785/QĐ-SHTT ngày 07 tháng 10 năm 2011, đối với nhãn hiệu của công ty là:



9. Các hợp đồng lớn đã, đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 12: Các Hợp đồng, dự án lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên dự án và địa điểm	Quy mô tính chất công việc	Tổng giá trị (nghìn đồng)	Khởi công	Hoàn thành	Chủ đầu tư
I						
1	Dự án đường Hồ Chí Minh, đoạn Khâm Đức Đắc Zôn và Tà Rụt-A Đốt	<p><u>* Thi công cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Bao gồm 20 cầu trung (872m) và 03 cầu lớn, cầu vĩnh cửu tải trọng H30-XB80. + Cầu Xuân Sơn (258,2m); Dầm hộp liên tục đúc hẫng (42+63+63+42); Khoan cọc nhồi đường kính 1,2m. + Cầu Bung (242,6m) và cầu Thạnh Mỹ (248,45m); cầu BTCTDƯL; Khoan cọc nhồi đường kính 0,8m và 1m. <p><u>* Thi công đường:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn Km 294+620 – Km 334 (Khâm Đức – Đắc Zôn) và Km 356T - Km 365T (Tà Rụt – A Đốt). + Đào hạ nền đường : 3.751.401 m³ + Đào đất : 3.305.900 m³ + Đắp nền đường (K95, K98): 359.743 m³ + Mặt đường BTXM (dày 22cm): 27.203md 	390.000.000	9/2000	8/2008	Ban QLDA đường HCM

TT	Tên dự án và địa điểm	Quy mô tính chất công việc	Tổng giá trị (nghìn đồng)	Khởi công	Hoàn thành	Chủ đầu tư
2	Dự án đường Hồ Chí Minh Đoạn Ngọc Hồi – Tân Cảnh	Xây dựng 22.256,58m đường; Xây dựng cầu Đăk Mốt dài 110,8m; Các hạng mục khác	140.101.869	3/2005	6/2008	Ban QLDA đường HCM
3	Dự án đường HCM đoạn Nghi Sơn – Bãi Trành	Thi công đường L=34,5Km và xây dựng 3 cầu nhịp dầm đơn 33m và 21m bao gồm các cầu: Km 31+848,8; Km 32+782,12; Km38+919,4	119.019.989	12/2004	16/7/2010	Ban QLDA đường HCM
4	Dự án xây dựng đường cao tốc Sài Gòn – Trung Lương (GD1)	Thi công đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 120Km/h. Tổng chiều dài đường là 6.192m. Thi công cầu bao gồm cầu dầm Super T, móng cọc khoan nhồi đường kính 1.0 – 1.2m. Thi công cọc cát, vải địa kỹ thuật và các hạng mục khác gồm trồng cỏ, thoát nước...	713.000.000	8/2005	02/2010	Ban QLDA Mỹ Thuận
5	Dự án đường Nam Sông Hậu – Gói thầu số 19.	Thi công đường và 2 nhỏ	60.123.000	5/2005	6/2010	Ban QLDA Mỹ Thuận
6	Dự án Nhiêu Lộc – Thị Nghè, Gói thầu 11B-1 (Liên danh Dreco – C5)		152.162.840	9/2007	12/2010	Sở GTCC HCM
7	Cầu Rạch Miễu (BOT) Tỉnh Bến Tre	- Thi công cầu vĩnh cửu, tải trọng HB30-XB80, chiều dài cầu 990,2m, rộng 12m - Nhịp chính gồm: 5 nhịp dầm hộp liên tục cân bằng từ T39-T43 có chiều dài (55,9+3x90+55,9)m bê tông DUL; Mố và trụ: Thân đặc BTCT 450Mpa, móng khoan cọc nhồi D=1.5m và cọc BTCT 45x45. Thi công trạm thu phí	215.000.000	4/2002	8/2010	C1 - C5 - C6
8	Tuyến tránh	- Đường cao tốc	253.633.799	5/2001	4/2010	Tổng

TT	Tên dự án và địa điểm	Quy mô tính chất công việc	Tổng giá trị (nghìn đồng)	Khởi công	Hoàn thành	Chủ đầu tư
	Tam Kỳ (thu phí hoàn vốn)	- Chiều dài tuyến 6.889,31 mét - Điểm đầu Km 990 + 00, điểm cuối Km 996+889,31 QLô 1 tỉnh Quảng Nam				Công ty XDCTGT 5
9	Cầu đường Bình Triệu 2 (BOT)	Xây mới cầu Bình Triệu 2, quy mô 3 làn xe và kết hợp sửa chữa cầu cũ 3 làn xe đảm bảo nhu cầu chung 6 làn xe	270.182.497	2001	6/2004	Tổng Công ty XDCTGT 5
10	Cầu Thạnh Hội, tỉnh Bình Dương	Thi công cầu vĩnh cửu bằng BTCT DƯL, tổng chiều dài 351,5m. Sơ đồ nhịp (3x33+42+63+42+3x33), gồm 6 nhịp dầm 33 (nhịp dẫn) ở hai đầu cầu và 3 nhịp chính (đúc hẫng cân bằng)	89.728.000	9/2006	12/2009	Ban QLDA Huyện Tân Yên
11	Dự án cầu Hương An Quốc lộ 1A Quảng Nam	Thi công cầu dạng dầm Super T, móng khoan cọc nhồi D=1.2m; Thi công đường hai đầu cầu	94.708.287	7/2008	4/2010	Ban QLDA5
12	Dự án xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình (Gói thầu số 6) (Liên danh 75%/25% giữa Cienco5 – Công ty Vạn Cường)	- Thi công đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 120Km/h - Thi công 11,9Km đường 4 làn xe - Thi công cầu dầm I dự ứng lực 33m - Xử lý nền đất yếu - Thi công cống; trạm thu phí và hạng mục khác	934.000.000	11/2007	12/2012	Công ty ĐTPT đường cao tốc Việt Nam (VEC)
II						
1.	Dự án đường Hồ Chí Minh, Gói thầu số 19: Xây dựng cầu Trảng Bàng Km 60+563 và cầu Tây Long Km 62+606	Thi công cầu Trảng Bàng dài 481,9m; cầu Tây Long dài 298,45m bằng BTCT và BTCT DUL. Thi công đường hai đầu cầu; điện chiếu sáng, đường dân sinh; Hệ thống ATGT và TK BVTC	148.088.512	02/2010		Ban QLDA đường HCM
2	Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Nam Căn	Thi công cầu Ông Như Km 12+033 dài 189,94m, cầu Ông Quyển tại Km 13+612	119.313.235	11/2012		Ban QLDA đường HCM

TT	Tên dự án và địa điểm	Quy mô tính chất công việc	Tổng giá trị (nghìn đồng)	Khởi công	Hoàn thành	Chủ đầu tư
	- Đất Mũi tỉnh Cà Mau, Gói thầu số 16: Xây dựng cầu Ông Như, Ông Quyển	dài 130,5m Thi công đường hai đầu cầu và các công trình trên tuyến. Thiết kế BVTC.				
3	Dự án cầu Cửa Đại - tỉnh Quảng Nam. Gói thầu 3.4	Thi công đường và cầu nhỏ	122.958.053	8/2009	2014	BQL khu KTM Chu Lai
4	Dự án cầu Cửa Đại - tỉnh Quảng Nam. Gói thầu 3.3		95.446.141	8/2010	2014	BQL khu KTM Chu Lai
5	Dự án cầu Cửa Đại - tỉnh Quảng Nam. Gói thầu 3.2 (Liên danh Cienco5 - Cienco4)	Thi công đường và cầu chính: Tổng chiều dài cầu L= 1,481m, Sơ đồ nhịp[(39+8x40+39)+1,5+(70+120+3x150+120+70)+(39+4x40+39)]m, đúc hẫng cân bằng dầm Super T; Xử lý nền đất yếu bằng PVD và giếng cát	1.043.672.509	11/2010	2014	BQL khu KTM Chu Lai
6	Dự án cầu Cửa Đại - tỉnh Quảng Nam. Gói thầu 3.1		193.392.266	10/2011	2014	BQL khu KTM Chu Lai
7	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km987- Km1027 đoạn qua tỉnh Quảng Nam theo hình thức hợp đồng BOT	Thi công đường L=28,2Km và 6 cầu bao gồm: Ông Hiền, Ông Trang 1, Ông Trang 2. Kỳ Hưng, Bà Bầu, Ông Bộ	1.609.213.739 trong đó giá trị xây lắp là 796 tỷ đồng	3/2013	12/2015	CIENCO 5
8	Dự án Quốc lộ 14 (Liên danh 70%/30% giữa Cienco5 - Công ty TNHH sửa	Nâng cấp và mở rộng đường	66.152.689	9/2103	10/2015	Ban QLDA đường HCM

TT	Tên dự án và địa điểm	Quy mô tính chất công việc	Tổng giá trị (nghìn đồng)	Khởi công	Hoàn thành	Chủ đầu tư
	chữa & QL đường bộ Gia Lai)					
9	Dự án Quốc lộ 1A đoạn Quảng Ngãi Km 1027-Km1063+887 – Gói thầu số 8a	Xây dựng nền mặt đường và công trình trên đường tổng chiều dài L=36,8Km	375.817.785	9/2013	10/2015	Sở Giao thông tỉnh Quảng Ngãi
10	Dự án Quốc lộ 1A đoạn Quảng Ngãi Km 1027-Km1063+887 và Km 1092+577 – Km 1125+000 - Gói thầu số 8b: Thi công cầu Châu Ổ - Km 1036+275.	Loại và cấp công trình: Công trình giao thông cấp II - Cầu xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DUL - Tải trọng thiết kế cầu: Hoạt tải HL93, tải trọng người 3kN/m ² , vận tốc TK V=60Km/h - Tĩnh thông thuyền: BxH=(15x2,5)m, sông thông thuyền cấp VI (TCVN 5664-2009). - Đường hai đầu cầu: cấp III đồng bằng - Tổng chiều dài tuyến và cầu L=446,93m - Sơ đồ nhịp: (24+6x33+24)m; dầm chủ bằng BTCT DUL, chiều dài toàn cầu là Ltc = 256,60m. - Móng móng bằng khoan cọc nhồi ØK D100 bằng BTCT, chiều dài cọc L=14,5m	122.534.125	1/2014	01/2016	Sở Giao thông tỉnh Quảng Ngãi
11	Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc Nam – Gói thầu số 1 (Liên danh CIENCO5 – CIENCO1 55/45)		2.133.415.932	Quý 1/2014	Quý 1/2017	VEC

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

10. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hoá

10.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2011-2013

Bảng 13: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Ước 2013
1. Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.059,125	1.138,128	1.102,393	1.173,650
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Tỷ đồng	339,945	341,392	432,282	439,000
3. Nợ vay ngắn hạn	Tỷ đồng	95,428	131,238	223,305	234,615
Trong đó, nợ quá hạn	Tỷ đồng	0	0	0	0
4. Nợ vay dài hạn	Tỷ đồng	10,800	0	110,928	308,291
Trong đó, nợ quá hạn	Tỷ đồng	0	0	0	0
5. Nợ phải thu khó đòi	Tỷ đồng	15,751	15,751	15,751	0
6. Tổng số lao động	Người	107	107	108	119
7. Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	7,666	10,933	11,829	13,137
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Nghìn đồng	5.971	8.515	9.128	9.200
9. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	267,671	147,502	700,538	714,612
<i>Doanh thu thuần</i>		<i>206,440</i>	<i>111,900</i>	<i>655,565</i>	<i>674,746</i>
<i>Doanh thu tài chính</i>		<i>59,022</i>	<i>32,338</i>	<i>18,033</i>	<i>23,000</i>
<i>Doanh thu khác</i>		<i>2,209</i>	<i>3,264</i>	<i>26,940</i>	<i>16,866</i>
10. Tổng chi phí	Tỷ đồng	246,897	129,608	696,779	709,412
11. Lợi nhuận thực hiện	Tỷ đồng	20,774	17,894	3,759	5,200
12. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,774	17,894	3,218	5,000
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước		6,11%	5,24%	0,87%	1,19%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

Về tài sản, tổng tài sản của Tổng công ty trong những năm qua ổn định ở mức khoảng 1.100 tỷ đồng. Tổng công ty không có nợ quá hạn phải trả. Tổng Công ty có khoản nợ phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng và đã được xử lý giảm vốn nhà nước trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2013.

Về doanh thu, trong thời gian qua doanh thu của Tổng công ty có sự biến động khá lớn. Nếu như doanh thu năm 2010 là 267 tỷ đồng thì doanh thu năm 2011 lại giảm mạnh xuống mức 147

tỷ đồng. Có hiện tượng sụt giảm mạnh này là do năm 2011 có một số dự án Tổng công ty thực hiện bị cắt giảm (theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh xã hội), như: dự án cầu Tây Long- Trảng Bàng, dự án cầu ông Như, cầu ông Quyển và một số hạng mục thuộc dự án đường Hồ Chí Minh, trong khi Tổng công ty chưa kịp đẩy mạnh doanh thu xây lắp để bù đắp nên doanh thu 2011 giảm nhanh.

Sang giai đoạn 2012, 2013 công ty đã kịp thời tham gia dự thầu, trúng thầu một số dự án có nguồn vốn thanh toán nhanh, hiệu quả và đã triển khai thực hiện nên tạo ra doanh thu lớn, (tăng gấp 4 lần so với năm 2011).

Như vậy mặc dù lợi nhuận công ty có xu hướng giảm nhưng cơ cấu doanh thu đã có thay đổi theo hướng tích cực, khi Công ty đã chú trọng vào ngành nghề lõi, đó chính là ngành xây dựng công trình giao thông, là ngành nghề mà công ty có rất nhiều về lợi thế, đặc biệt là kinh nghiệm đã được tích lũy vài chục năm qua. Việc tập trung vào ngành nghề cốt lõi, mặc dù không mang lại lợi nhuận đột biến, nhưng lại tạo ra cho Công ty những bước đi vững chắc, đây là điều cần thiết trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt trong ngành xây dựng như hiện nay.

10.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

❖ Điểm mạnh (nhân tố thuận lợi nội tại doanh nghiệp)

➤ Đối với lĩnh vực xây lắp các công trình giao thông

Tổng công ty xuất thân từ Ban xây dựng 67, có truyền thống là đơn vị anh hùng, có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các dự án giao thông.

Có các Công ty con và các Công ty liên kết đóng trên địa bàn cả nước.

Tổng công ty và các đơn vị có kinh nghiệm trong việc tham gia đầu tư các dự án giao thông theo các hình thức BT, BOT.

Tình hình tài chính của Công ty mẹ đã có nhiều chuyển biến tốt, từng bước vượt qua khó khăn, hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

Tạo dựng được uy tín trong quan hệ với các tổ chức tín dụng.

Thương hiệu Cienco5 đã được thị trường biết đến nhiều hơn.

Có nhiều dự án đầu tư hạ tầng khu đô thị để có thể áp dụng hình thức tự thực hiện cho các hạng mục xây lắp.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo trẻ, năng động, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Lãnh đạo Tổng công ty là một tập thể đoàn kết, có mối quan hệ xã hội rộng, một số cá nhân đã được uy tín với các chủ đầu tư và khách hàng.

➤ Đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh địa ốc

Là một trong những đơn vị đầu tiên của Bộ Giao thông vận tải tham gia đầu tư kinh doanh vào lĩnh vực hạ tầng khu đô thị và gặt hái được những thành công nhất định, góp phần cải thiện tình hình tài chính giai đoạn vừa qua.

- Có uy tín, kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện đầu tư và kinh doanh các dự án hạ tầng khu đô thị. Thương hiệu Cienco 5 trên lĩnh vực hạ tầng khu đô thị ngày càng được khẳng định.
- Tính năng động, nhạy bén, quyết đoán trong việc đầu tư dự án của người đứng đầu đơn vị.
- Công tác tiếp cận các dự án có tính khả thi được lãnh đạo quan tâm tích cực và triển khai quyết liệt.
- Sự ủng hộ của các cơ quan Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương đối với các dự án của Cienco 5.
- Các dự án do Tổng công ty đầu tư thường có tính khả thi cao nên được sự tham gia hỗ trợ tích cực của các tổ chức tín dụng trong việc tài trợ vốn.
- Sản phẩm của dự án được phân phối nhanh, mạnh qua nhiều kênh trên thị trường.
- Tạo dựng được mối quan hệ tốt với các nhà đầu tư.

❖ **Điểm yếu (nhược điểm nội tại của doanh nghiệp)**

➤ ***Đối với lĩnh vực xây lắp các công trình giao thông***

Trong thời gian qua, việc tham gia các dự án có quy mô lớn, trọng điểm và giá trị lớn chưa được quan tâm đúng mức nên năng lực thi công trong những năm gần đây còn hạn chế.

Áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất, quản lý chưa nhiều.

Công tác đầu tư, đổi mới thiết bị chưa được chú trọng đúng mức. Chưa xây dựng chương trình tiếp cận công nghệ mới.

Chưa thu hút được cán bộ có năng lực bên ngoài gia nhập vào Tổng công ty. Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận chưa triển khai cụ thể.

Chưa có các đơn vị chuyên sản xuất các sản phẩm hỗ trợ (cấu kiện bê tông đúc sẵn, dầm cầu...).

Mối quan hệ, hỗ trợ giữa các đơn vị thành viên, các công ty liên kết của Tổng công ty với nhau chưa thật sự tốt, chưa tạo nên sức mạnh tổng hợp.

➤ ***Đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh địa ốc***

Vốn chủ sở hữu còn hạn chế, chưa đáp ứng theo yêu cầu theo quy định Nhà nước về đầu tư dự án có quy mô lớn dẫn đến mất đi các cơ hội tiếp cận dự án khả thi cao.

Chưa tự chủ về nguồn vốn thực hiện dự án (chủ yếu là hoạt động bằng vốn vay của ngân hàng, khả năng huy động vốn còn hạn chế)

❖ **Cơ hội (các thuận lợi của nhân tố khách quan)**

➤ ***Đối với lĩnh vực xây lắp các công trình giao thông:***

Hạ tầng giao thông của Việt nam còn rất kém so với yêu cầu phát triển kinh tế nên nhu cầu đầu tư vào các dự án giao thông trong giai đoạn đến là rất lớn, bình quân hàng năm trên 50.000 tỷ đồng.

Với 22 dự án về đường cao tốc dự kiến sẽ triển khai trong giai đoạn 2010 đến 2020: Hà Nội-Thái Nguyên; Hà Nội-Lào Cai; Hà Nội-Hạ Long; Ninh Bình- Thanh Hóa; Thanh Hóa – Vinh; Vinh-Hà Tĩnh; Cam Lộ-Đà Nẵng; Đà Nẵng-Quảng Ngãi; Quảng Ngãi-Quy Nhơn; Nha Trang-Dầu Dây, Long Thành-Bến Lức; Trung Lương Mỹ Thuận; Mỹ Thuận Cần Thơ... với Tổng chiều dài trên 1.900 Km với giá trị cần đầu tư trên 400.000 tỷ đồng.

Tại các thành phố lớn, Chính phủ sẽ đầu tư vào các dự án metro, các dự án đường trên cao... dự kiến sẽ triển khai trong giai đoạn đến với các nguồn vốn ODA với giá trị lên đến hàng chục tỷ USD.

Việc hình thành các cụm kinh tế khu vực dẫn đến nhu cầu đầu tư hạ tầng để liên kết các khu vực là rất lớn.

Điều kiện tiếp cận các công nghệ hiện đại được dễ dàng hơn (thông qua liên danh, liên kết, chuyển giao công nghệ, mua sắm thiết bị...) do sự gia nhập WTO, khu vực mậu dịch tự do Asean AFTA ...

➤ ***Đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh địa ốc:***

Nhu cầu thị trường vẫn còn nhiều, đặc biệt ở phân khúc thị trường nhà ở cho người có thu nhập thấp và trung bình. Nhà ở cho cán bộ công nhân viên chức...

Cơ chế, chính sách về lĩnh vực kinh doanh hạ tầng khu đô thị ngày càng hoàn thiện.

Các đơn vị thành viên của Cienco 5 đang triển khai và tiếp cận nhiều dự án địa ốc có quy mô và giá trị lớn.

❖ **Môi đe dọa (các nhân tố khách quan gây bất lợi)**

➤ ***Đối với lĩnh vực xây lắp các công trình giao thông:***

Cạnh tranh trong các dự án xây lắp ngày càng khốc liệt. Các nhà thầu trong nước ngày càng lớn mạnh và khẳng định tên tuổi qua từng dự án, nhất là các đơn vị tư nhân, các Công ty cổ phần, các đơn vị ngoài ngành (Bộ Xây dựng, Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn...)

Bị hạn chế trong việc tham gia các dự án do WB, ADB tài trợ vốn do Bộ GTVT làm Chủ đầu tư.

Ngày càng nhiều nhà thầu đa quốc gia nhảy vào lĩnh vực hạ tầng đi kèm các điều kiện tài trợ vốn ODA cho Việt nam.

Giá cả thị trường luôn có xu thế biến động tăng. Nhiều dự án triển khai thường phụ thuộc nguồn cung cấp vật liệu đầu vào của một số tổ chức, cá nhân nên sẽ bị mua giá cao.

Các văn bản Pháp luật về chính sách quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đang trong giai đoạn hoàn thiện nên sẽ có nhiều thay đổi theo thời gian.

Các chính sách chưa nhất quán của một số cơ quan thi hành pháp luật (Thanh tra, kiểm toán...) gây khó khăn cho nhà thầu.

➤ **Đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh địa ốc:**

Thủ tục pháp lý phức tạp và thường xuyên có sự thay đổi nên rủi ro pháp lý rất cao.

Rủi ro trong đầu tư kinh doanh rất lớn (dự án có thể kinh doanh được 1 phần nhưng phải đầu tư toàn bộ, ...).

Thị trường có nhiều biến động và chịu sự tác động rất lớn của "hiệu ứng bầy đàn".

Rất nhiều nhà đầu tư tham gia góp vốn nên dễ xảy ra tranh chấp, thông tin dễ sai lệch ...

Nhà đầu tư nước ngoài tăng cường đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng khu đô thị.

Tác động của chính sách tín dụng của ngân hàng (lúc đóng, lúc mở) làm cho kế hoạch đầu tư kinh doanh dễ bị phá sản.

Thị trường bất động sản có tính ổn định rất thấp, chịu nhiều áp lực từ tài chính, chính sách. Chịu sự ảnh hưởng rất lớn của một số tổ chức, cá nhân đầu cơ tạo nên các đợt sốt giá, sốt nhu cầu.

Chính sách về đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng thay đổi theo chiều hướng tăng giá trị.

11. Vị thế của Tổng công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành

11.1. Vị thế của Tổng công ty trong ngành

Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 là đơn vị kế thừa Ban Xây dựng 67, đơn vị đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Tổng công ty đã duy trì và phát huy mạnh mẽ truyền thống anh hùng trong những năm chống Mỹ cứu nước và trong công cuộc xây dựng đất nước.

Trải qua quá trình xây dựng, phát triển và trưởng thành, Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành Giao Thông Vận Tải hoạt động trên các lĩnh vực: Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện; đầu tư kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp; tư vấn thiết kế các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp..... Đồng thời Tổng công ty cũng tham gia đầu tư nhiều dự án bất động sản lớn trên khắp cả nước, trở thành một trong những Tổng công ty kinh doanh bất động sản lớn hàng đầu cả nước.

Với hơn 45 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, Tổng công ty đã tham gia xây dựng nhiều công trình trọng điểm quốc gia như: đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Ninh Bình - Cầu Giẽ, Dự án mở rộng Quốc lộ 1, Đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Dự án Cầu Cửa Đại - Quảng Nam, Cầu Rồng - Đà Nẵng, Cầu Ông Thìn - Thành phố Hồ Chí Minh...

Những năm vừa qua, Tổng công ty đã tạo dựng được thương hiệu và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trên thị trường. Là một Tổng công ty duy nhất của Bộ Giao thông vận tải hoạt động trên lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông nằm trên địa bàn Miền Trung và Tây nguyên. Đặc biệt là có trụ sở tại Thành phố Đà Nẵng, Tổng công ty có nhiều cơ hội để tiếp cận và thực hiện nhiều dự án lớn và thu hút các đối tác trong nước và nước ngoài cùng hợp tác, liên doanh đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia và khu vực miền trung, Tây nguyên.

Đồng thời với nhiệm vụ đầu tư, xây dựng, kinh doanh các công trình giao thông, Tổng công ty còn có nhiệm vụ duy tu bảo dưỡng nhiều công trình, quốc lộ trọng điểm như QL1A, Hồ đường bộ Hải Vân, Đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 14; QL 24; QL25; QL26; QL27 và toàn bộ hệ thống đường bộ ở khu vực. Các công ty con và các công ty thành viên, liên kết của Tổng công ty có trụ sở tại hầu hết các tỉnh thành Miền Trung và Tây nguyên là các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

Với kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trên lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông, Tổng công ty có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao và đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có khả năng đảm nhận thực hiện thi công các dự án, các công trình lớn, đòi hỏi có trình độ kỹ thuật cao.

Để ghi nhận những kết quả đạt được của Cienco5 qua các thời kỳ, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã vinh dự nhận được nhiều danh hiệu cao quý của Đảng và Nhà Nước trao tặng như: danh hiệu Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Đơn vị Anh hùng lao động và nhiều huân, huy chương, giải thưởng khác.

11.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo Báo cáo điều chỉnh Chiến lược phát triển GTVT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đánh giá thì trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã dành sự quan tâm lớn cho đầu tư phát triển GTVT; trong đó, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông có bước phát triển đáng kể: chất lượng vận tải ngày một nâng cao, bước đầu cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng miền. Một số công trình giao thông hiện đại như đường bộ cao tốc, cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế đã được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, góp phần tạo diện mạo mới cho đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, đã xuất hiện nhiều bất cập cản trở sự phát triển hạ tầng giao thông như: hệ thống quốc lộ chưa được kết nối thông suốt, còn nhiều tuyến quốc lộ chưa được đầu tư nâng cấp, đã xuất hiện nhiều nút thắt trên các tuyến giao thông huyết mạch; hệ thống đường sắt vẫn trong tình trạng lạc hậu, tiêu chuẩn kỹ thuật thấp, năng lực hạn chế, không đảm bảo an toàn chạy tàu; các cảng biển tại các vùng kinh tế trọng điểm đã và đang quá tải, xuất hiện tình trạng ùn ứ hàng hóa do khối lượng hàng hóa tăng rất nhiều so với dự báo; một số cảng hàng không quốc tế đang hoặc sẽ quá tải trong tương lai gần; giao thông đô thị còn nhiều yếu kém, ùn tắc giao thông tại các thành phố lớn thường xuyên xảy ra. Những tồn tại yếu kém trên góp phần làm cho chất lượng vận tải và dịch vụ vận tải chưa cao, chi phí chưa hợp lý, đã ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, cản trở tốc độ phát triển KT-XH đất nước.

Theo một cuộc điều tra do Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam đã thực hiện với trên 254 doanh nghiệp, kết quả cho thấy, 87,8% DN nước ngoài và 83% DN trong nước đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng là kém và rất kém.

Chính vì vai trò quan trọng cũng như những hạn chế hiện nay của hệ thống hạ tầng giao thông mà ngày 25/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 355/QĐ - TTg Về việc phê

duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó xác định giao thông vận tải là một bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, một trong ba khâu đột phá, cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững, nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, xác định đối với trục dọc Bắc - Nam sẽ ưu tiên đầu tư, hoàn thành nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 1 với quy mô 4 làn xe, tập trung, ưu tiên nâng cấp, hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có; đối với khu vực phía Bắc trọng tâm là vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; đối với khu vực miền Trung - Tây Nguyên trọng tâm là vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; đối với khu vực phía Nam trọng tâm là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bên cạnh đó, phát triển GTVT đô thị, phát triển giao thông nông thôn, phát triển công nghiệp GTVT.

Tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược xác định cơ bản hoàn thiện mạng lưới GTVT trong cả nước, đảm bảo sự kết nối và phát triển hợp lý giữa các phương thức vận tải. Chất lượng vận tải và dịch vụ được nâng cao, đảm bảo: nhanh chóng, an toàn, tiện lợi. Cơ bản hoàn thành xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc; triển khai xây dựng một số đoạn trên tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; hệ thống đường bộ, đường sắt Việt Nam đồng bộ về tiêu chuẩn kỹ thuật, kết nối thuận lợi với hệ thống đường bộ ASEAN, Tiểu vùng Mê Công mở rộng và đường sắt xuyên Á.

Như vậy định hướng chiến lược phát triển giao thông vận tải của Chính phủ cho thấy, nhu cầu xây dựng công trình giao thông của Việt nam còn rất lớn, chúng ta mới chỉ ở giai đoạn đầu của quá trình hiện đại hóa cơ sở hạ tầng trong đó quan trọng nhất là các công trình giao thông.

11.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên Thế giới

Định hướng phát triển của Tổng công ty phù hợp với sự phát triển tất yếu của xã hội. Với việc tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trong việc xây dựng các công trình giao thông, Tổng công ty có triển vọng ngày càng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Không những thế, hoạt động xây dựng các công trình giao thông có thể giúp công ty nắm bắt được nhiều cơ hội đầu tư vào các dự án mới đặc biệt là các dự án bất động sản, hoặc sản xuất vật liệu xây dựng...

Như vậy, ngành xây dựng công trình giao thông là ngành có rất nhiều tiềm năng, nhưng cũng là ngành có rào cản gia nhập không cao và rất nhiều doanh nghiệp tham gia. Điều này khiến các doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh rất khốc liệt, làm giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi tham gia đấu thầu xây dựng các công trình trong ngành, các công ty cũng cần phải đạt các tiêu chuẩn quy định của nhà nước, trong đó kinh nghiệm thi công là yêu cầu rất quan trọng và nhiều khi mang tính quyết định, đây cũng là yếu tố mang lại sự thuận lợi cho Cienco5 cũng như một số Tổng công ty khác của Bộ GTVT đã hoạt động rất lâu trong lĩnh vực này.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

I. DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Thông tin chung Doanh nghiệp sau cổ phần hoá

1.1. Giới thiệu chung về công ty

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 – CTCP.**

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5.**

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION No 5 – JSC.**

Tên viết tắt: **CIENCO5**

Logo, nhãn hiệu, biểu tượng:



Trụ sở chính: Số 77 đường Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 05113.894414.

Fax: 05113.894420.

E.mail: cienco5@dng.vnn.vn

Website: www.cienco5.vn

2. Hình thức pháp lý

Công ty cổ phần có tư các pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; được mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước, nước ngoài; được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ 35 % vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết : Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước;	4210
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết : Tư vấn, đầu tư xây dựng các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện	4290

3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê : Chi tiết : Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản. Kinh doanh cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị; đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất; cho thuê văn phòng.	6810
4	Xây dựng nhà các loại : Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng.	4100
5	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	0810
6	Dạy nghề : Chi tiết : Tổ chức đào tạo và liên kết dạy nghề hướng nghiệp chuyên ngành giao thông, vận tải phục vụ cho Tổng công ty. Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.	85322
7	Phá dỡ :Chi tiết : Phá huỷ hoặc đập các toà nhà và các công trình khác.	4311
8	Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn; Sửa chữa phương tiện, thiết bị, thi công và gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép sản phẩm cơ khí khác; Cung ứng xuất nhập khẩu vật tư, VLXD, thiết bị giao thông vận tải; chế biến vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sạn, sỏi); Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) trong nước công trình giao thông, thủy điện, điện, công nghiệp; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu công cụ sản xuất hàng tiêu dùng, các loại sản phẩm phục vụ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ giao thông vận tải;	

4. **Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ công ty cổ phần**

➤ **Vốn điều lệ công ty cổ phần**

Vốn điều lệ : 439.000.000.000 đồng

Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng

Số lượng cổ phần : 43.900.000 cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành lần đầu : 43.900.000 cổ phần phổ thông.

Tất cả cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

➤ **Đối tượng mua cổ phần:**

Theo Điều 6 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và chủ trương của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm :

- Cán bộ công nhân viên của Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 (người lao động đang làm việc tại Văn phòng Công ty mẹ, các Chi nhánh, Ban điều hành) có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 10/10/2013.
 - Tổ chức công đoàn Tổng công ty.
 - Các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài.
 - Nhà đầu tư chiến lược (NĐTCL): Bao gồm các tổ chức và cá nhân trong nước có năng lực tài chính, có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài, hỗ trợ Tổng công ty sau cổ phần hóa và thực hiện theo quy định của luật pháp Việt Nam.
- **Cơ cấu cổ đông dự kiến theo phương án cổ phần hoá được phê duyệt**

Bảng 14: Cơ cấu cổ đông của công ty theo phương án cổ phần hoá

TT	Danh mục	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)
1	Cổ phần Nhà nước	35,00	15.365.000	153.650
2	Cổ phần ưu đãi bán cho CBCNV	0,48	210.700	2.107
2.1	<i>Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động theo số năm công tác</i>	<i>0,33</i>	<i>145.700</i>	<i>1.457</i>
2.2	<i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo năm cam kết làm việc</i>	<i>0,15</i>	<i>65.000</i>	<i>650</i>
3	Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn	1,14	500.000	5.000
4	Cổ phần bán ra bên ngoài	63,38	27.824.300	278.243
4.1	<i>Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược</i>	<i>31,00</i>	<i>13.609.000</i>	<i>136.090</i>
4.2	<i>Cổ phần phổ thông bán qua đấu giá</i>	<i>32,38</i>	<i>14.215.300</i>	<i>142.153</i>
	Tổng cộng	100.00	43.900.000	439.000

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

➤ **Căn cứ xác định quy mô vốn điều lệ**

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Công ty Mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 chọn hình thức "kết hợp vừa bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ" theo điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

➤ **Bán bớt phần vốn nhà nước:**

- Số vốn nhà nước cần bán bớt được xác định bằng tổng số vốn nhà nước tại doanh nghiệp – phần vốn nhà nước tương ứng 35% vốn điều lệ.

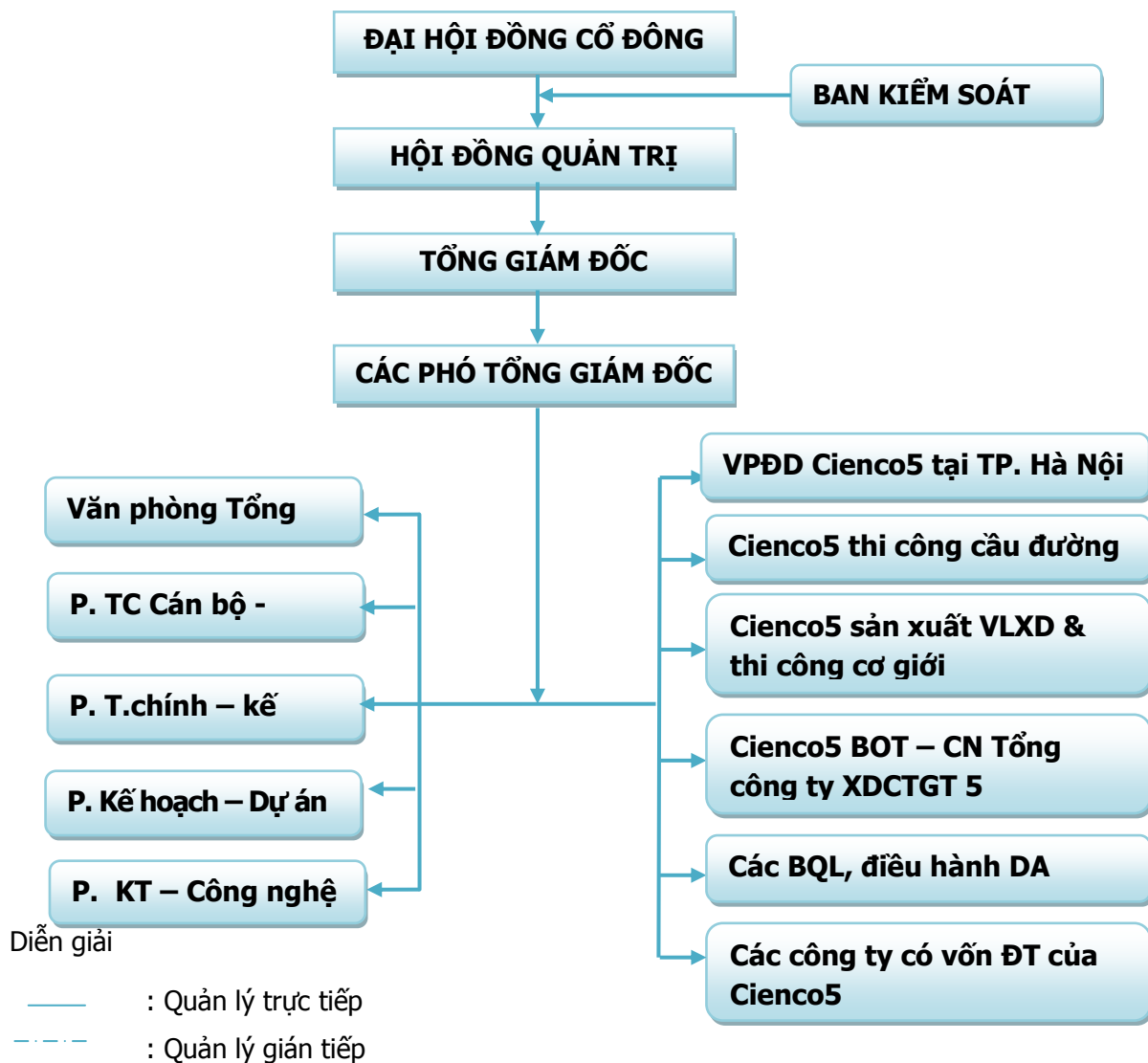
- Số vốn nhà nước cần bán bớt: 284.520.381.046 đ tương ứng: 28.452.038 CP
 (438.170.381.046 đ - 153.650.000.000 đ = 284.520.381.046 đ)

➤ **Phát hành thêm cổ phiếu:**

- Giá trị cổ phần phát hành thêm được xác định bằng tổng số vốn điều lệ - phần vốn nhà nước – phần vốn nhà nước bán bớt
- Giá trị cổ phần phát hành thêm: 829.618.954 đ tương ứng: 82.962 CP
 (439.000.000.000đ - 153.650.000.000đ - 284.520.381.046đ = 829.618.954đ)

5. Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ 6: Sơ đồ tổ chức Cienco5 sau cổ phần hoá



❖ **Chức năng, nhiệm vụ của các thành phần trong cơ cấu tổ chức như sau:**

- (1) **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng công ty được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

(2) **Hội đồng quản trị** là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc Tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

(3) **Ban kiểm soát** do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính của Tổng công ty; việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

(4) **Tổng giám đốc** điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

(5) **Phó Tổng giám đốc** giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

(6) **Kế toán trưởng** có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

(7) **Các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ** có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty, bao gồm: Văn phòng Tổng hợp; Phòng Tổ chức Cán bộ và Lao động; Phòng Kế hoạch Dự án; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kỹ thuật Công nghệ; các Ban điều hành dự án.

(8) **Các công ty có vốn đầu tư của Cienco5:** bao gồm các công ty có vốn góp chi phối và không chi phối của Tổng công ty.

(9) **Chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:**

- Cienco5 BOT - Chi nhánh Tổng công ty XDCTGT 5 - CTCP.
- 01 Chi nhánh Khai thác và sản xuất đất, đá, sản xuất cấu kiện, bê tông nhựa và thi công cơ giới.
- 01 Chi nhánh chuyên về thi công xây lắp các hạng mục chính, có yêu cầu công nghệ kỹ thuật cao đối với hạng mục chính của các công trình cầu, đường.
- Văn phòng đại diện Tổng công ty XDCTGT 5 –CTCP tại TP Hà Nội

6. Kế hoạch tái cơ cấu tại các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty sau khi cổ phần hoá

Theo Quyết định số 1837/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 08 năm 2012 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5, Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 sẽ thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần đối với các công ty TNHH hiện Tổng công ty đang nắm giữ 100% vốn nhà nước và thực hiện thoái hết vốn đối với các công ty có vốn đầu tư khác của Tổng công ty, cụ thể thực hiện thoái hết vốn tại các công ty sau:

Bảng 15: Các công ty dự kiến thoái vốn

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá trị góp vốn
1	Công ty CP 504	45%	12,000	5,400
2	Công ty CP DX&ĐT 573	48%	8,300	3,984
3	Công ty CP 520	48%	5,000	2,400
4	Công ty CP XDCT 325	36%	5,000	1,808
5	Công ty CP Xây dựng Cienco5	30%	19,800	3,889
6	Công ty CP Vật liệu xây dựng 323	34%	5,000	1,593
7	Công ty CP XDCT 518	22%	5,000	1,102
8	Công ty CP CTGT 503	37%	20,000	7,300
9	Công ty CP ĐT & XD GT 502	39%	25,000	9,750
10	Công ty CP XDCT 515	12%	27,500	3,435
11	Công ty CP tư vấn XDGT 533	16%	25,000	3,985
12	Công ty CP XD&TM 591	14%	5,000	0,679
13	Công ty CP 519	10%	10,000	1,000
14	Công ty CP ĐT7XDCT 557	2%	10,000	1,000
15	Công ty CP XDCT 589	12%	6,500	0,650
16	Công ty CP XD 597	10%	10,000	1,000
17	Công ty CP 546	10%	10,000	1,000
18	Công ty CP ĐT XD 575	17%	10,000	1,000
19	Công ty CP Đầu tư 568	10%	10,000	1,000
20	Công ty CP ĐT & XD 558	10%	10,000	1,000
21	Công ty CP ĐT&XD 595	15%	5,000	0,775
22	Công ty CP ĐT & XD 569	10%	10,000	1,000
23	Công ty Cổ phần 537	10%	5,000	0,500
24	Công ty CP ĐTXD và TM 592	38%	10,000	1,000
25	Công ty CP ĐT và XD 577	2,94%	180,000	10,500

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển chung Doanh nghiệp sau cổ phần hoá

1.1. Mục tiêu

Tổng công ty tiếp thực hiện sản xuất kinh doanh theo hướng đa ngành nghề, trong đó:

- Duy trì và phát huy ngành nghề truyền thống là xây dựng, đặc biệt là các công trình giao thông.
- Phát triển mạnh kinh doanh địa ốc và bất động sản – xác định đây là lĩnh vực mũi nhọn mang tính đột phá.
- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp, từng bước mở rộng sang lĩnh vực đầu tư thương mại, du lịch – dịch vụ, đào tạo và dạy nghề phù hợp với nguồn lực và khả năng quản lý của Tổng công ty.
- Tăng cường sự gắn kết và hợp tác giữa Tổng công ty với các đơn vị liên kết.
- Xây dựng Tổng công ty thành một doanh nghiệp mạnh về mọi mặt: có nguồn vốn lớn, có công nghệ cao, có sản phẩm chiến lược, có đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi... Là một nhà đầu tư có uy tín với thương hiệu mạnh, phát triển bền vững.

1.2. Định hướng

- Liên kết cổ đông chiến lược, đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Tăng trưởng mạnh, vững chắc - tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là xây dựng, đặc biệt là các công trình giao thông. Tiếp tục phát triển mạnh kinh doanh địa ốc và bất động sản – xác định đây là lĩnh vực mũi nhọn mang tính đột phá.
- Về kỹ thuật, công nghệ: Từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang bị thiết bị tiên tiến, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh ngày càng cao, tăng trưởng chất lượng tạo ra giá trị gia tăng cao.

1.3. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính của 3 năm liên kế sau khi cổ phần hoá

Chỉ tiêu kế hoạch đầu tư

Giai đoạn năm 2014 – 2015 sẽ đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị tăng năng lực sản xuất cho Công ty mẹ:

Bảng 16: Kế hoạch đầu tư của công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên thiết bị	Nước SX	CL	SL	Đơn giá tạm tính	Thành tiền tạm tính	Ghi chú
I	Thiết bị					78.400	
1	Lu rung	TQ	100%	2	1.500	3.000	
2	Lu tỉnh 3 bánh sắt	Nhật	80%	4	500	2.000	
3	Lu lớp	Nhật	100%	2	2.000	4.000	
4	Máy đào 0,9m3	Nhật	100%	2	2.500	3.000	
5	Máy đào 1,2m3	Nhật	100%	2	2.700	5.400	
6	Xúc lật 1,8m3 -2,3m3	TQ	100%	2	1.500	3.000	
7	Máy ủi	Nhật	100%	2	1.500	3.000	
8	Máy san	Nhật	100%	2	1.500	3.000	
9	Máy rải BTN 7,5m	Đức	100%	1	8.000	8.000	
10	Khoan cọc nhồi 2m	TQ	100%	2	10.000	20.000	
11	Cầu bánh lốp 50T	TQ	100%	2	2.000	4.000	
12	Xe vận chuyển BTXM	TQ	100%	4	1.500	6.000	
13	Xe ô tô tự đổ 20T	TQ	100%	5	1.000	5.000	
14	Xe tưới nhựa	TQ,HQ	100%	1	500	500	
15	Trạm trộn BTXM 60m3/h	VN	100%	1	2.500	2.500	
16	Trạm trộn BT nhựa 120T/h	VN	100%	1	6.000	6.000	
II	Dây chuyền thiết bị					7.500	
1	Dây chuyền đúc đầm BTĐUL các loại	VN	100%	1	3.500	3.500	
2	Dây chuyền SX ống cống ly tâm 0,5-1,5m	VN	100%	1	4.000	4.000	
	TỔNG CỘNG					85.900	
III	Xây dựng cơ bản: - Đất: Thuê trả tiền hàng năm.					5.000	

TT	Tên thiết bị	Nước SX	CL	SL	Đơn giá tam tính	Thành tiền tam	Ghi chú
	- XD: Nhà làm việc, xưởng, đường, hệ thống điện, hàng rào cổng ngõ,...						

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

Tổng vốn đầu tư: Tạm tính **90.400.000.000 đồng** (Chín mươi tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn).

Nguồn vốn đầu tư:

- Vay trung dài hạn ngân hàng : 78,4 tỷ đồng.
- Đầu tư phát triển, XDCB của đơn vị : 7,5 tỷ đồng

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hoá.

Bảng 17: Kế hoạch kinh doanh 3 năm 2014-2016

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	KH 2015	KH 2016
1	Vốn điều lệ	tỷ đồng	439	550	700
2	Tổng số lao động	Người	119	119	119
3	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	13,137	13,566	14,280
4	Thu nhập BQ NLD (ng/th)	1.000đ	9.200	9.500	10.000
5	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.200	4.350	6.350
	<i>Trong đó: KD xây lắp</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>2.000</i>	<i>3.480</i>	<i>5.080</i>
	<i>KD địa ốc</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>200</i>	<i>870</i>	<i>1.270</i>
6	Tổng chi phí	tỷ đồng	2.112	4.176	6.096
7	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	88	174	254
8	Tỷ lệ cổ tức	%	10	12	15

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Giải pháp về sản phẩm và thị trường

- Tích cực tiếp thị, tìm kiếm tham gia các dự án mới về lĩnh vực xây lắp giao thông và đầu tư kinh doanh địa ốc.
- Tiếp tục củng cố và phát triển ngành nghề truyền thống là xây dựng các công trình GTVT; nhanh chóng tiếp cận, áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất như thi công cầu dây văng, dây văng ... Bên cạnh đó chú trọng công tác xây dựng đội hình chủ lực hoạt động xây dựng công trình dân dụng, cụ thể là hạ tầng kỹ thuật các Khu đô thị, khu dân cư, căn hộ cao tầng. Xem đây là hai nhiệm vụ song hành trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp của Tổng công ty.
- Tham gia thị trường kinh doanh bất động sản một cách bài bản, thiết lập hệ thống phân phối sản phẩm nhanh và có hiệu quả. Hoạch định những chiến lược kinh doanh cụ thể, phân khúc thị trường, phân loại sản phẩm nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.
- Chủ động liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư có năng lực trong và ngoài nước để triển khai thực hiện dự án, đặc biệt là các dự án bất động sản.
- Tập trung tài chính và năng lực sản xuất để hoàn thành tất cả các công trình xây dựng trọng điểm đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.
- Từng bước nâng cấp các thiết bị hiện có để đảm bảo năng xuất, hiệu quả trong sản xuất. Nghiên cứu đầu tư thêm trang thiết bị mới, hiện đại đáp ứng nhu cầu phục vụ thi công.
- Tìm hiểu và nghiên cứu đề xuất các dự án chung cư cho người thu nhập thấp tại các thành phố lớn như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Tập trung đầu tư kinh doanh bất động sản theo phân khúc cho người có thu nhập thấp và trung bình.
- Đối với các dự án đã tiếp cận, tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý và giải pháp tài chính để có điều kiện triển khai.

2.2. Giải pháp về ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, công nghệ

- Thực hiện chiến lược đổi mới công nghệ, nâng cấp, bổ sung thiết bị tự động hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp và nông nghiệp; tăng cường đầu tư ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm.
- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư đổi mới công nghệ, từng bước nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn khoa học kỹ thuật. Tiếp cận, sử dụng và làm chủ những công nghệ, kỹ thuật tiên tiến hiện đại trong xây dựng giao thông, xây dựng hạ tầng để tăng hiệu quả kinh doanh.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp; sử dụng có hiệu quả hệ thống mạng nội bộ, chương trình Văn phòng điện tử và Websie của Tổng công ty để thực hiện việc quản lý, điều hành doanh nghiệp.

2.3. Giải pháp về tài chính, vốn

Bổ sung tăng vốn điều lệ và tăng nguồn vốn chủ sở hữu từ việc phát hành thêm cổ phiếu vào các thời điểm thích hợp, hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu; tích lũy từ lợi nhuận sau thuế, đảm bảo đủ nguồn vốn tự có thực hiện chiến lược phát triển đơn vị.

Cơ cấu lại nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn cho SXKD và đầu tư; Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; thực hiện tiết giảm chi phí, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông theo kế hoạch, bảo toàn và phát triển vốn.

Đồng thời, Công ty sẽ sớm thực hiện niêm yết cổ phiếu lên Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định sau khi đấu giá thành công cổ phần lần đầu ra công chúng, để tạo kênh huy động vốn thuận lợi cho công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả; Hệ thống hoạt động cơ bản và các mặt trọng yếu tại các đơn vị thành viên và liên kết. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp. Tiếp tục liên kết với các đối tác chiến lược có thể mạnh và uy tín để cùng phát triển. Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá doanh nghiệp.
- Xây dựng phương pháp quản trị doanh nghiệp một cách toàn diện và hiệu quả. Xây dựng cơ chế, quy chế quản trị phù hợp với các chuẩn mực tiên tiến cho Tổng công ty, các Công ty Con và các đơn vị trực tiếp sản xuất thuộc Tổng công ty từ việc cải tiến quy trình sản xuất, thi công, khai thác nguyên vật liệu xây dựng cho đến việc quản trị chi phí, quản trị tài chính, quản trị kế hoạch sản xuất, quản trị thiết bị-tài sản, quản trị nhân sự ... để đem đến các sản phẩm đảm bảo đạt chất lượng cao, tăng năng suất và mỹ thuật, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Xây dựng, cải tiến các tiêu chuẩn quản lý chất lượng cho các qui trình nghiệp vụ, phương án giảm thiểu rủi ro, tạo ra sự chuyển biến về chất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ và các Công ty con.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu chiến lược, tổ chức và hoạch định chiến lược của Tổng công ty. Đổi mới tổ chức quản lý thông qua việc xây dựng các Ban, Hội đồng, Tổ để thực hiện chức năng hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty.
- Xây dựng cơ chế liên kết giữa Tổng công ty, Công ty Con và các Công ty Liên kết theo hướng Tổng công ty là đầu tàu định hướng và dẫn dắt các Công ty thành viên dựa vào quan hệ: Vốn-Năng lực-Pháp nhân-Thương hiệu-Nhân sự-Điều phối dự án...

2.5. Đầu tư phát triển sản xuất

Tiếp tục đầu tư vào những doanh nghiệp có hiệu quả, có tiềm năng lợi thế lớn; Thực hiện công cuộc cải cách đầu tư toàn diện phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

❖ **Đối với các dự án giao thông:**

- Tiếp tục thực hiện các dự án dở dang.

- Tham gia các dự án có nguồn vốn rõ ràng. Đặc biệt, đầu tư vào các dự án BOT, BOO, BT và các dự án có nguồn vốn nước ngoài.
- Đảm bảo tỷ trọng đầu tư cho các dự án giao thông là 70%.
- ❖ ***Đổi với các dự án kinh doanh bất động sản:***
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đang đầu tư.
- Tiếp cận đầu tư vào các dự án trên địa bàn tiềm năng và chú trọng đầu tư vào các khu đô thị, chung cư đáp ứng nhu cầu của người có thu nhập trung bình.
- Tỷ trọng đầu tư cho lĩnh vực kinh doanh bất động sản là 30%.

2.6. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Đánh giá lại nguồn nhân lực của Tổng công ty. Xây dựng và thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực, cán bộ. Đổi mới thực sự công tác tuyển dụng, đào tạo và quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của Tổng công ty đáp ứng yêu cầu phát triển SXKD của Tổng công ty giai đoạn 2014-2016 và định hướng đến 2020.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ CBCBV về cả trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu theo tiêu chuẩn chức danh công việc; thực hiện việc sắp xếp, bố trí lại vị trí công việc cho phù hợp với từng CBCNV. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao về khoa học-kỹ thuật-thẩm định dự án cũng như ban hành chính sách đãi ngộ, khen thưởng, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng đúng với kết quả lao động và thực hiện chế độ đãi ngộ khác đối với CBCNV Tổng Công ty.
- Trong công tác đề bạt, bổ nhiệm, phải đi sát hơn nữa với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Có kế hoạch luân phiên cử đi tham dự các lớp bổ sung kiến thức chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn hàng năm để cập nhật kiến thức về pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ...

PHẦN IV

CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

Chúng tôi xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty và/hoặc giá cổ phiếu Công ty mà các nhà đầu tư cần cân nhắc trước khi quyết định đăng ký đầu giá mua cổ phần Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5.

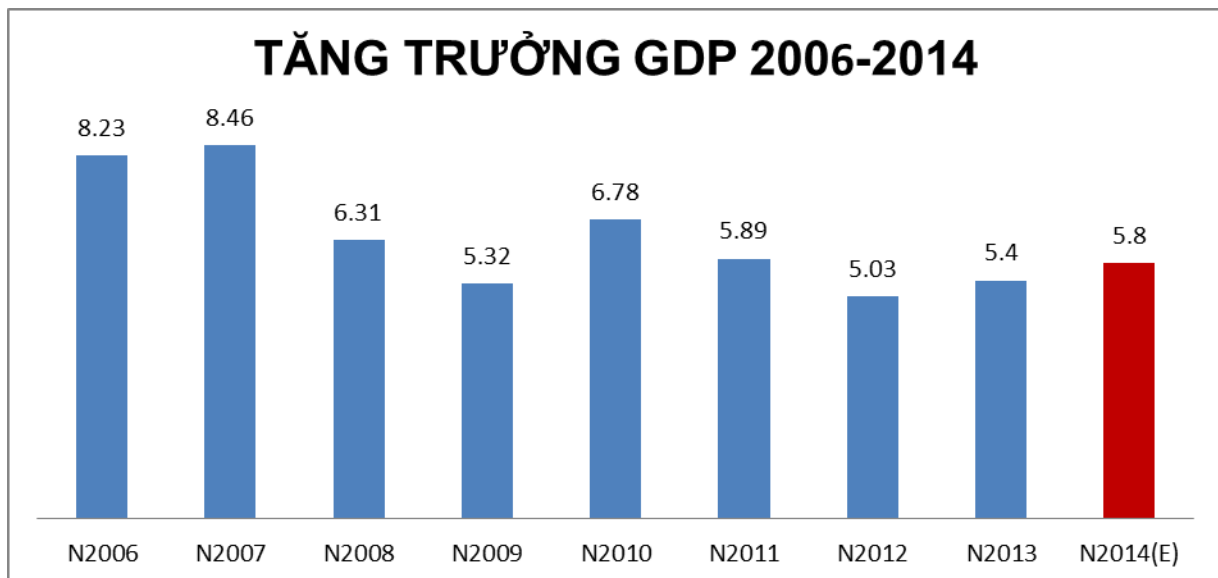
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Hoạt động của các doanh nghiệp chịu tác động trực tiếp của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất. Đặc biệt, ngành xây dựng được coi là hàn thử biểu của nền kinh tế, phản ánh thực trạng của nền kinh tế trong từng thời kỳ. Do đó, rủi ro kinh tế là một trong những rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5.

Tốc độ tăng trưởng

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm. Theo số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bình quân thời kỳ 2006-2010 là: 7,01%/năm, 2010 - 2013 trung bình là khoảng 5,44%/năm, tốc độ tăng trưởng năm 2013 là 5,4% so với 5,03% của năm 2012.

Biểu đồ 7: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Thành tựu nổi bật của nền kinh tế năm 2013 là sản xuất bước đầu đã hồi phục, lạm phát ổn định, tăng được dự trữ ngoại hối, tỷ giá thị trường vàng ổn định, thanh khoản ngân hàng tốt hơn. Tuy nhiên vẫn còn những khó khăn như tốc độ tăng trưởng vẫn chậm, nợ xấu chưa được xử lý triệt để, thâm hụt ngân sách.

Trên cơ sở nền tảng của những kết quả đạt được trong năm 2013, năm 2014 được kỳ vọng là nền kinh tế sẽ tiếp tục duy trì sự ổn định, có thể đạt được tốc độ hơn 5,4% của năm 2013, nhờ chi đầu tư cơ sở hạ tầng tăng, vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp gia tăng và với một số tín hiệu phục hồi tích cực trên thế giới, đặc biệt là Mỹ, Châu Âu và Nhật, kim ngạch xuất khẩu có thể tăng.

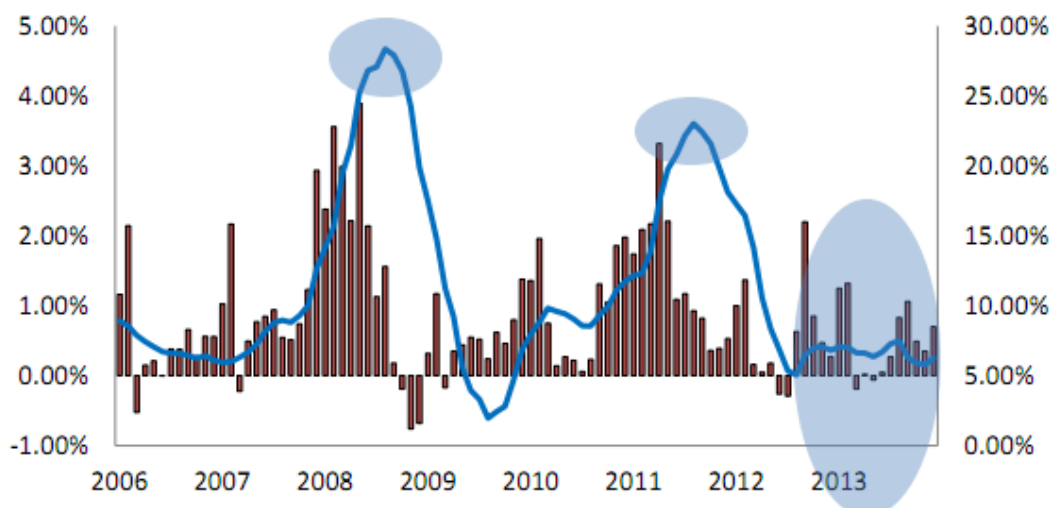
Song đối với các doanh nghiệp, năm 2014 dự đoán vẫn sẽ là một năm khó khăn và thử thách do nền kinh tế cũng chỉ mới trong giai đoạn đầu của sự phục hồi, sức cầu còn yếu, lạm phát vẫn có nguy cơ tăng trở lại, tỷ giá nhiều khả năng cũng sẽ được điều chỉnh tăng.

Tuy nhiên đối với ngành xây dựng công trình giao thông nói chung và Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 nói riêng sẽ được lợi nhờ chính sách chi cơ sở hạ tầng tăng trong năm 2014, nhờ đó có thể giúp công ty có cơ hội tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hoạt động.

Lạm phát

Giai đoạn từ năm 1996 đến 2006, Việt Nam vẫn giữ mức lạm phát ổn định một con số. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nền kinh tế luôn ở trong tình trạng lạm phát cao và biến động mạnh qua các năm. Từ năm 2007, ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã tăng mạnh lên mức 12,6% và đạt đỉnh điểm ở mức 22,97% năm 2008. Năm 2009, mục tiêu hạ nhiệt lạm phát đạt được kỳ vọng với mức 6,52%. Các năm sau, lạm phát tăng trở lại ở mức 11,75% năm 2010 và 18,13% năm 2011. Năm 2012, lạm phát giảm mạnh so với năm trước ở mức thấp 6,81%.

Biểu đồ 8: Tốc độ lạm phát qua các năm



Năm 2013, lạm phát đạt được mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua là 6,04%, nguyên nhân chính là do sự suy yếu của sức cầu của nền kinh tế, song cũng ghi nhận thành công đáng kể của Ngân hàng Nhà nước trong việc thực hiện nhất quán chính sách tiền tệ, đồng thời linh hoạt trong điều tiết cung tiền để kiểm chế lạm phát và ổn định nền kinh tế. Lạm phát trong năm

2013, chủ yếu do tác động của các hàng hóa, dịch vụ công như điện, xăng dầu, giá gas, giáo dục và y tế.

Năm 2014, mục tiêu lạm phát đề ra là khoảng 7% so với mức 6,04% năm 2013, trong khi đó nhiều chuyên gia dự báo có thể ở mức 7,5-8%, đây gần như là một tín hiệu cho thấy Chính phủ chấp nhận nới chỉ tiêu lạm phát để kích thích tăng trưởng. Rủi ro lạm phát dẫn đến chi phí đầu vào của Cienco5 gia tăng, trong khi việc tăng giá đầu ra có độ trễ đặc biệt trong tình hình nền kinh tế vẫn đang tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, theo đó sẽ phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Cienco5 trong năm 2014.

Lãi suất

Năm 2013, chính sách lãi suất được đánh giá là điều hành phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, đặc biệt là diễn biến của lạm phát. Tính chủ động của công cụ lãi suất trong việc truyền dẫn tín hiệu tới thị trường đã được cải thiện rõ nét. Trong năm 2013, các mức lãi suất điều hành của NHNN được điều chỉnh giảm hai lần. Hiện tại, lãi suất tái cấp vốn được điều chỉnh giảm từ mức 9%/năm xuống còn 7%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 7%/năm xuống còn 5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 10%/năm xuống còn 8%/năm.

Trên thị trường 1, NHNN đã thực hiện giảm 3% lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ đối với các lĩnh vực ưu tiên; giảm 1% lãi suất tiền gửi tối đa bằng VNĐ. Đồng thời từ tháng 6/2013, NHNN đã cho phép các Tổ chức tín dụng tự ấn định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Đây là bước đi cần thiết để NHNN hướng tới thực hiện tự do hóa lãi suất. Diễn biến lãi suất trên thị trường liên ngân hàng theo sát với lãi suất chỉ đạo của NHNN và giảm mạnh. Lãi suất huy động giảm liên tục khoảng từ 2 - 4%, lãi suất cho vay giảm từ 3 - 5% so với mức lãi suất cuối năm 2012. Điều này không những phản ánh tính thanh khoản của các Tổ chức tín dụng ngày càng ổn định, mà còn biểu hiện tính dẫn dắt thị trường của NHNN ngày càng tăng.

Với việc mặt bằng lãi suất hiện tại đã ở mức khá thấp, tương đương với thời kỳ năm 2005-2006 giúp doanh nghiệp giảm được chi phí lãi vay. Năm 2014 được đánh giá là lãi suất sẽ ổn định, khó có dư địa để giảm thêm, việc hưởng lợi từ giảm mạnh chi phí lãi vay sẽ không còn. Việc thúc đẩy xử lý nợ xấu và kiểm soát tốt lạm phát giúp ổn định mặt bằng lãi suất sẽ là điểm tựa cho sự phục hồi tốt hơn của đầu tư tư nhân, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2014. Tăng trưởng GDP cả năm 2014 được dự báo vào khoảng 5,6%-5,7%.

Trong năm 2014, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp sẽ phụ thuộc vào hai yếu tố chính là tốc độ xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng và những yếu tố cơ bản của chính bản thân doanh nghiệp này.

Do đặc thù của các Doanh nghiệp xây lắp nên mặc dù Cienco5 có dư nợ vay/vốn điều lệ cũng khá thấp so với các công ty cùng ngành, song chi phí lãi vay chiếm khá lớn trong cơ cấu chi phí hoạt động, do đó rủi ro lãi suất cũng tác động lớn đến kết quả hoạt động của Doanh nghiệp.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Cienco5 đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, do đó chịu sự điều chỉnh của các văn bản liên quan trong quá trình chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần Tổng công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Đồng thời đấu giá thành công ra công chúng, Tổng công ty đủ điều kiện thành công ty đại chúng và phải thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định. Tổng công ty phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán, các quy định riêng cho công ty đại chúng và công ty niêm yết. Trong giai đoạn chuyển đổi, Tổng công ty phải nắm bắt nhiều quy định mới, do đó có thể phát sinh những rủi ro về mặt pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Mặt khác, Việt Nam trong những năm gần đây, thông qua hoạt động lập pháp, Quốc hội đã dần tạo lập được khung pháp lý và hệ thống Luật pháp khá đầy đủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, vẫn trong quá trình phải sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện dần nên vẫn tiềm tàng một số rủi ro về pháp lý cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp hoàn toàn có thể hạn chế rủi ro pháp luật bằng chính sự hiểu biết về pháp luật hoặc thông qua sự tham vấn chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn Luật.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

❖ Rủi ro về nghiệm thu, thanh quyết toán công trình

Đặc thù của hoạt động xây dựng cơ bản là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, thủ tục thanh quyết toán đặc biệt là đối với công trình sử dụng vốn ngân sách còn rườm rà, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu mất nhiều thời gian nên giải ngân vốn chậm, gây tổn động vốn của doanh nghiệp. Do vậy, đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp thì vấn đề nghiệm thu, thanh quyết toán công trình có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của Doanh nghiệp, đặc biệt trong tình hình lãi suất ngân hàng cao, doanh nghiệp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, vì vậy mà các doanh nghiệp trong lĩnh vực này thường có hệ số nợ cao và rủi ro này có thể dẫn đến nguy cơ mất khả năng thanh toán khi chậm thu hồi nợ của các khách hàng lớn, hoặc khách hàng lớn bị phá sản.

Bên cạnh đó, hoạt động xây lắp thường diễn ra ngoài trời nên chịu nhiều tác động của thiên nhiên, yếu tố thời tiết cũng có thể làm công trình chậm tiến độ, công ty chậm thanh toán và thu hồi vốn, công tác bảo quản vật tư, nguyên vật liệu gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hao hụt, mất mát cao. Đây là rủi ro rất khó kiểm soát, ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm xây dựng.

❖ **Rủi ro về nguyên vật liệu**

Do giá nguyên vật liệu đầu vào của ngành xây dựng thường xuyên biến động nên sẽ tác động đến chi phí và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, để hạn chế rủi ro này ban lãnh đạo doanh nghiệp đã có sự điều hành linh hoạt, thường chủ động xác định tiến độ sử dụng nguồn nguyên vật liệu, dự toán khối lượng công trình, dự báo thị trường nguyên vật liệu của ngành để chủ động đặt hàng. Bên cạnh đó, Tổng công ty thường ký hợp đồng xây lắp thanh toán theo khối lượng thực tế nghiệm thu và giá thanh toán được điều chỉnh theo giá thị trường tại thời điểm thực hiện để hạn chế phần nào rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu xây dựng.

4. RỦI RO CỦA ĐỢT ĐẤU GIÁ

Cienco5 thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng trong bối cảnh thị trường chứng khoán đã có sự khởi sắc, kinh tế vĩ mô duy trì được sự ổn định, tuy nhiên nền kinh tế vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu nên vẫn còn nhiều thách thức khó dự báo.

Trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh tái cơ cấu các Tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp Nhà nước, hàng loạt các đơn vị phải thực hiện thoái vốn, chào bán cổ phần, do đó cung hàng hoá ra thị trường rất lớn, ảnh hưởng đến khả năng thành công của các đợt đấu giá.

5. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hoả hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng công ty.

Đặc biệt đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng thì các rủi ro như thiên tai, bão lũ sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp.

PHẦN V

THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ

- ❖ Cổ phần chào bán : **14.215.300 cổ phần**
- ❖ Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông. tự do chuyển nhượng
- ❖ Mệnh giá : **10.000** đồng/cổ phần
- ❖ Giá khởi điểm : **10.000** đồng/cổ phần
- ❖ Bước giá : **100** đồng
- ❖ Số mức giá : **02** mức giá
- ❖ Bước khối lượng : **100** cổ phần
- ❖ Số lượng cổ phần tối thiểu nhà đầu tư được phép mua : **100** cổ phần
- ❖ Số lượng cổ phần tối đa NĐT trong nước được phép mua : **14.215.300 cổ phần**
- ❖ Số lượng cổ phần tối đa NĐT nước ngoài được phép mua : **14.215.300 cổ phần**
- ❖ Thời gian tiến hành đấu giá : 10 giờ ngày 24/3/2014
- ❖ Thời gian nhận hồ sơ tham gia đấu giá. nhận tiền nộp đặt cọc : Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành
- ❖ Địa điểm tổ chức đấu giá : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, số 02 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ❖ Thời gian nộp tiền mua cổ phần : Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành
- ❖ Thời gian hoàn tiền đặt cọc : Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành

2. ĐỐI TƯỢNG MUA CỔ PHẦN

Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động Công ty và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

Cổ phần phát hành cho người lao động được phân phối theo danh sách được duyệt.

Cổ phần bán cho tổ chức Công đoàn Công ty theo phương án cổ phần hóa được phê duyệt

Cổ phần phát hành cho các nhà đầu tư khác được phân phối thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

3. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN

❖ Cổ phần bán cho người lao động

Tổng số lượng cổ phần bán cho người lao động: 210.700 cổ phần, chiếm 0,48% vốn điều lệ

Bao gồm:

Bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ: 145.000 cổ phần, chiếm 0,33% vốn điều lệ.

Bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ: 65.000 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ.

❖ Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn

Tổng số lượng cổ phần bán cho tổ chức Công đoàn: 500.000 cổ phần, chiếm 1,14% vốn điều lệ

❖ Số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Tổng số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 13.609.000 cổ phần, chiếm 31,0% vốn điều lệ

❖ Cổ phần bán đấu giá công khai

Số lượng cổ phần chào bán : 14.215.300 cổ phần, chiếm 32,38% vốn điều lệ

Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Giá khởi điểm : 10.000 đồng/cổ phần

Đặt cọc: 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm

Đối tượng tham gia : Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5.

Tổ chức bán đấu giá cổ phần : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

4. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Thông tin cụ thể liên quan đến Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 và đợt đấu giá được công bố tại:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website : <http://www.hnx.vn>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

Địa chỉ : 77 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, T.p Đà Nẵng

Điện thoại : 0511 3894414 Fax: 0511 3894420

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

Trụ sở chính : Số 2A, Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04 3726 2222 Fax: 04 3726 2305

Website : www.shbs.com.vn

5. THỜI GIAN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN VÀ HOÀN TRẢ TIỀN ĐẶT CỌC

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

6. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ

Bảng 18: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hoá

Kế hoạch hoàn vốn nhà nước	ĐVT	Số tiền
1.Vốn điều lệ của công ty cổ phần:	đồng	439.000.000.000
2. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ - TCT:	đồng	438.170.381.046
3. Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa:	đồng	282.767.200.000
- Thu từ bán cổ phần cho CBCNV:	đồng	1.524.200.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>+ Thu từ bán cổ phần ưu đãi CBCNV</i>	đồng	<i>874.200.000</i>
<i>(60% x 145.700 CP x 10.000đồng/CP)</i>		
<i>+ Thu từ bán cổ phần CBCNV đăng ký mua thêm</i>	đồng	<i>650.000.000</i>
<i>(65.000 CP x 10.000đồng/CP)</i>		
Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho công đoàn:	đồng	3.000.000.000

<i>(60% x 500.000 CP x 10.000 đồng/CP)</i>		
- Thu từ bán cổ phần cho cổ đông chiến lược:	đồng	136.090.000.000
<i>(13.609.000 CP x 10.000 đồng/CP)</i>		
- Từ bán đấu giá cổ phần:	đồng	142.153.000.000
<i>(14.215.300 CP x 10.000 đồng/CP)</i>		
4. Giá trị cổ phần bán cho CBCNV, công đoàn, nhà đầu tư chiến lược và bán đấu giá tính theo mệnh giá:	đồng	285.350.000.000
<i>(28.535.000 x 10.000 đồng/CP)</i>		
5. Trong đó phần giá trị cổ phần bán phát hành thêm để lại doanh nghiệp tính theo mệnh giá: (1) – (2)	đồng	829.618.954
6. Chi phí cổ phần hóa dự kiến:	đồng	1.319.500.000
7. Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư:		-
8. Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm trên vốn điều lệ:		-
Do thặng dư bán cổ phần không đủ bù đắp khoản 40% giá trị cổ phần ưu đãi cho CBCNV và công đoàn (tính theo giá bán CP) và chi phí CPH nên xác định thặng dư vốn để lại DN bằng 0		
9. Tổng số tiền hoàn vốn Ngân sách:	đồng	280.618.081.046
= (3) - (5) - (6)		

Nguồn: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5

Số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo chế độ nhà nước quy định và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Số tiền thu từ bán phần vốn nhà nước còn lại (bao gồm cả chênh lệch giá bán cổ phần) sau khi trừ các khoản chi theo quy định được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

PHẦN VI

PHỤ LỤC

1. QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ
2. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010, 2011, 2012, 06 tháng năm 2013
4. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2014

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ
CHỦ TỊCH HĐQT TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**



BẠCH NGỌC DU

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5**

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀ HÙNG

PHAN BÁ QUẢNG

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB**

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỂ MINH